

CHÚ TRỌNG ĐẦU TƯ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH

Đỗ Khoa Văn

TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh

Xác định phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước, thời gian gần đây tỉnh Hà Tĩnh đã chú trọng đầu tư, quan tâm trong lãnh đạo và chỉ đạo lĩnh vực KH&CN, đặc biệt ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội.



Lãnh đạo tỉnh và các Sở ngành liên quan tham quan Trại bò thịt chất lượng cao của Công ty CP chăn nuôi Bình Hà, tại huyện Cẩm Xuyên.
Ảnh: QT

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012) và Ban Chấp hành Trung ương khóa XI ban hành Nghị quyết về khoa học và công nghệ (Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012), Hà Tĩnh đã kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương về phát triển KH&CN phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Các cấp ủy, chính quyền các cấp đã ban hành nhiều văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình hành động. Đặc biệt ngày 03/2/2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVII đã ban hành Nghị quyết 09-

NQ/TW về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và những năm tiếp theo; ban hành 05 Đề án KH&CN⁽¹⁾ với chính sách hỗ trợ mạnh mẽ, là cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Nhờ nỗ lực đổi mới cách nghĩ, cách làm, năng động, sáng tạo và quyết liệt trong tổ chức thực hiện, xác định rõ chiến lược và định hướng hoạt động đúng đắn, KH&CN tỉnh nhà ngày càng được quan tâm đầu tư, phát huy hiệu quả.

Ngân sách nhà nước đầu tư

cho KH&CN tăng hàng năm, giai đoạn 2013-2017, tổng ngân sách đầu tư cho KH&CN là 212.429 triệu đồng (bằng 0,5% tổng chi ngân sách tỉnh), trong đó ngân sách sự nghiệp KH&CN là 130.129 triệu đồng (bình quân mỗi năm 26.026 triệu đồng); ngân sách đầu tư phát triển đạt 82.300 triệu đồng.

Nhiều công nghệ mới, tiên tiến đã được áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực, có sức lan tỏa mạnh mẽ, chính vì thế chỉ trong một thời gian ngắn KH&CN tỉnh nhà đã đạt được một số kết quả nổi bật sau:



Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN đã làm chủ được công nghệ và sản xuất các loại giống với quy mô, số lượng lớn; Ảnh: HP

Công nghệ sản xuất giống cây ăn quả, lâm nghiệp bằng ghép mắt ghép, giâm hom được ứng dụng khá rộng rãi trong các vườn ươm cây lâm nghiệp, vườn ươm cây ăn quả. Hằng năm sản xuất được 12-14 triệu cây giống lâm nghiệp (keo) giâm hom, hàng vạn cây giống bưởi Phúc Trạch, cam bù Hương Sơn ghép mắt. Đặc biệt, đã làm chủ quy trình công nghệ sản xuất giống cây (chuối, phong lan, dứa,...) bằng nuôi cấy mô tế bào thực vật, tạo ra giống đồng đều, sạch bệnh với số lượng lớn; Làm chủ quy trình công nghệ sản xuất 11 giống nấm ăn và nấm dược liệu, đã xây dựng được phòng trào sản xuất nấm rộng khắp trong toàn tỉnh, dần trở thành một nghề sản xuất chủ lực trong nông nghiệp nông thôn (hiện nay Hà Tĩnh có 300 cơ sở với diện tích 50.000 m² lán trại, sản lượng đạt trên 1.000 tấn nấm tươi/năm, doanh thu 2,5 tỷ đồng/1ha lán trại/năm); công nghệ tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt của Israel được ứng dụng

trong trồng rau, củ, quả trên cát và trong sản xuất cây ăn quả vùng đồi rừng, ươm tạo cây giống. Đến nay có khoảng 4.000m² nhà lưới sản xuất cây giống, trồng hoa cây cảnh, rau củ, quả; nghiên cứu thành công công nghệ khắc phục tình trạng ra hoa đậu quả không ổn định của cây bưởi Phúc Trạch, cho năng suất trên 20 tấn/ha (một số hộ đạt 30 tấn/ha), chất lượng, mẫu mã sản phẩm quả bưởi được cải thiện, theo đó giá thành cũng tăng lên, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người trồng bưởi,...

Trên lĩnh vực y dược: đã nghiên cứu thành công nhiều loại thuốc tốt từ nguồn dược liệu trong nước như Hoàn xích hương, Mộc hoa trắng, viên sủi gừng, viên ngậm ho... với dây chuyền bảo chế tiên tiến, đã được cấp phép lưu hành toàn quốc và được người tiêu dùng đánh giá cao.

Trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, đã quan tâm đến đổi mới công nghệ, du nhập, cải tiến các thiết bị hiện

đại tạo ra các sản phẩm bê tông chất lượng cao.

Trong xử lý rác thải, đã có dây chuyền công nghệ tiên tiến giúp xử lý triệt để các loại rác đảm bảo vệ sinh môi trường.

Công nghệ chăn nuôi lợn nái và sản xuất lợn giống siêu nạc 3 đến 4 màu ngoại; hệ thống xilo chứa thức ăn, máng ăn, máng uống tự động...; quy trình phòng trừ dịch bệnh và quy trình xử lý chất thải chăn nuôi vi sinh (Biogas bạt HDPE...); Công nghệ chăn nuôi lợn thịt siêu nạc theo công nghệ Thái Lan; Công nghệ thụ tinh nhân tạo sản xuất trâu bò thịt chất lượng cao; công nghệ sản xuất bò thịt chất lượng cao 3B bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo có kết quả bước đầu.

Công nghệ nuôi thâm canh mật độ cao trong ao lót bạt trên vùng đất cát, đến nay đã có 91 tổ chức, cá nhân đầu tư nuôi tôm công nghệ này với diện tích 408,6 ha cho năng suất bình quân khoảng 7 tấn/ha. Đặc biệt có những mô hình điển hình cho năng suất bình quân 30 tấn/ha. Với quy trình kỹ thuật tiên tiến nên đã hạn chế được dịch bệnh và ô nhiễm môi trường tạo ra môi trường sản xuất phát triển bền vững.

Đã nghiên cứu, chuyển giao, hoàn thiện công nghệ sản xuất 3 chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường (Chế phẩm HT-Bio xử lý môi trường ao nuôi trồng thủy sản; Chế phẩm Neo-Polynut kích thích tiêu hóa trong chăn nuôi; Chế phẩm Hatimic nhằm xử lý chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp... làm phân bón) được triển khai ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, góp phần hạn

chế dịch bệnh gây hại, giảm được nhu cầu sử dụng thuốc thú y, thuốc kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật.

Riêng lĩnh vực nông nghiệp, đến nay đã hình thành và phát triển trên 12.000 mô hình có thu nhập trên 100 triệu đồng/năm, trong đó có những mô hình mang lại hiệu quả kinh tế rất cao hàng tỷ đồng/năm.

Chú trọng công tác du nhập, phát triển các công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nghiên cứu các giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần tăng giá trị sản xuất, điển hình như: Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu phát triển công nghệ chế biến nước mắm bằng hệ thống cấp nhiệt sử dụng năng lượng mặt trời; công nghệ chế biến gỗ, chế biến nhung hươu, chế biến sục sán.

Về Công nghệ thông tin: Đã có sự phát triển với tốc độ nhanh. Nghiên cứu xây dựng phần mềm nền dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh đưa vào áp dụng. Đến nay tất cả các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được trang bị máy tính, kết nối Internet. Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoạt động liên tục, hiệu quả; 100% các thủ tục hành chính được đưa lên Cổng ở mức độ 2. Đã cung cấp 587 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (bao gồm cả 105 dịch vụ công trực tuyến của 08 Sở được triển khai theo dự án được tích hợp lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh). Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được triển khai có hiệu quả tại 4 đơn vị (Cục Thuế

tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Sở Tài chính).

Tuy đã đạt được sự tiến bộ đáng kể, nhưng nhìn chung KH&CN tỉnh ta vẫn chậm phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH. Việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN còn khó khăn; đầu tư cho KH&CN còn thấp, nhận thức và hành động của xã hội về KHCN còn nhiều hạn chế...

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khóa XVIII và nghị quyết đại hội các đảng bộ trực thuộc, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khóa XVIII đều đã xác định vai trò quan trọng của KH&CN trong sự phát triển của tỉnh và các địa phương trong thời gian tới, khẳng định KH&CN là một trong 3 khâu đột phá của tỉnh trọng nhiệm kỳ 2015 - 2020. Để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ đề ra, trong thời gian tới, KH&CN Hà Tĩnh cần tập trung các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển KH&CN theo hình thức PPP, BOT, BOO... Có cơ chế khuyến khích việc trích lập quỹ phát triển KH&CN trong các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN, ưu tiên dành kinh phí cho đào tạo nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao. Tăng dần mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN bảo đảm 1,5% giai đoạn 2016 – 2020 và đạt 2% vào năm 2020 tổng chi ngân

sách của tỉnh.

2. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế chính sách nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN.

3. Tập trung chỉ đạo một số mũi nhọn về phát triển công nghệ cao và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

4. Hỗ trợ phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực: hình thành các vùng chuyên canh ứng dụng công nghệ cao; đảm bảo các sản phẩm nông nghiệp chủ lực được đăng ký bảo hộ thương hiệu và hình thành hệ thống quản lý, phát triển tài sản trí tuệ.

5. Đẩy mạnh việc phát triển thị trường KHCN và doanh nghiệp KHCN trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Phát triển mạnh mẽ các loại hình dịch vụ KHCN.

6. Tăng cường hợp tác, liên kết, trao đổi với các tổ chức KHCN trong và ngoài nước để tranh thủ chất xám, tri thức và công nghệ tiên tiến từ bên ngoài phục vụ sự phát triển của tỉnh.

Đ.K.V

(1) Đề án Phát triển sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Đề án bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Đề án Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất phân hữu cơ vi sinh giai đoạn 2014 - 2016, định hướng đến năm 2020; Đề án Phát triển thị trường KHCN và Doanh nghiệp KHCN.

Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, những kết quả đáng ghi nhận

Th.s Lê Đình Doãn

Trưởng phòng QLKH – Sở KH&CN Hà Tĩnh

Năm 2016 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, là năm thứ 2 triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03/02/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Trong bối cảnh tác động của sự cố môi trường biển, ảnh hưởng nặng nề của thiên tai lũ lụt trên diện rộng, song hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vẫn đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Các đề tài, dự án KH&CN đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đã đi vào chiều sâu, đầu tư có trọng tâm trọng điểm. Đa số các đề tài, dự án đã phát huy tốt hiệu quả, đã giải quyết được khá nhiều vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội, đã tạo thêm được việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân và du nhập nghề mới cho địa



Được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Một bản Trường Lưu góp phần to lớn trong việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa nhân loại.

(Trong ảnh: Đại biểu Trung ương và địa phương tham quan một số hiện vật tư liệu lịch sử về “Một bản trường học Phúc Giang” được trưng bày tại Trung tâm Văn hóa-Điện ảnh tỉnh Hà Tĩnh)

Ảnh: PV

phương. Nhiều kết quả nghiên cứu có sức lan tỏa lớn đã và đang được duy trì và nhân rộng, làm tiền đề cho các định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nổi bật là:

Nghiên cứu, bảo tồn Một bản Trường Lưu, huyện Can Lộc, đã đánh giá đúng các giá trị di sản của Một bản Trường Lưu; triển khai phục dựng, số hóa, biên dịch và bảo quản Một bản Trường Lưu; đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát

huy giá trị văn hóa Một bản Trường Lưu; xuất bản 2 tập sách liên quan đến Một bản Trường Lưu; tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng bộ Hồ sơ Một bản Trường Lưu đăng ký xếp hạng Di sản văn hóa quốc gia và Di sản tư liệu ký ức thế giới. Ngày 19 tháng 5 năm 2016, Một bản trường học Phúc Giang (Một bản Trường Lưu) được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế

giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương, góp phần to lớn trong việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa nhân loại.

Nghiên cứu phương thức truyền dạy và phổ cập dân ca Nghệ Tĩnh trong trường học tại Hà Tĩnh, đã xây dựng nội dung chương trình, phương thức truyền dạy dân ca Nghệ Tĩnh cho các giáo viên âm nhạc tại các trường Tiểu học và Trung học cơ sở tại Hà Tĩnh, triển khai mô hình thí điểm đưa dân ca Nghệ Tĩnh vào trường học. Kết quả của đề tài đã và đang phát huy tốt tại các trường học ở Hà Tĩnh, góp phần gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể “Dân ca Nghệ Tĩnh” đã được UNESCO công nhận.

Nghiên cứu thực trạng và giải pháp kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại các bệnh viện ở Hà Tĩnh, đã xác định tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh, xác định các yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn bệnh viện, từ đó đề xuất các giải pháp phòng ngừa nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giảm thiểu tình trạng nhiễm khuẩn bệnh viện. Nhiễm khuẩn bệnh viện chủ yếu lây truyền vi khuẩn qua đường tiếp xúc, qua các giọt chất tiết (droplets) và mang qua đường không khí (airborne). Việc tuân thủ quy tắc chuyên môn của các nhân viên y tế tham gia chăm sóc bệnh nhân là hết sức cần thiết. Kết quả đề tài cũng đã xây dựng được mô hình áp dụng giải pháp kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà

Tĩnh. Kết quả này hiện đang được ứng dụng tại nhiều bệnh viện trong tỉnh, nhất là Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện Đa khoa thành phố Hà Tĩnh.

Nghiên cứu xây dựng phần mềm nền dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh, đã tổng hợp, phân tích và đánh giá về mặt quy trình của bộ thủ tục hành chính trong toàn tỉnh nhằm rút ra các công đoạn chung nhất để mô hình hóa và tin học hóa; phân tích xây dựng mô hình và phần mềm nền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho phép dễ dàng tùy biến áp dụng cho các thủ tục hành chính khác nhau của tỉnh; xây dựng bộ công cụ tiện ích tích hợp vào phần mềm cho phép thực hiện việc tùy biến áp dụng cho các thủ tục hành chính khác nhau; triển khai thí điểm một số thủ tục hành chính tại 03 đơn vị cấp sở; biên soạn bộ tài liệu hướng dẫn triển khai và ứng dụng phần mềm. Kết quả đề tài đã và đang được ứng dụng tích cực trong việc triển khai DVC trực tuyến mức độ 3 tại các sở, ngành trong tỉnh.

Nghiên cứu xây dựng Hệ thống thông tin KH&CN tỉnh Hà Tĩnh, đã xây dựng được Công thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh; phần mềm quản lý nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai KH&CN; số hóa, cập nhật dữ liệu nghiên cứu triển khai KH&CN giai đoạn 2010 – 2015. Hiện tại Công thông tin điện tử khoa học và công nghệ Hà Tĩnh và phần mềm quản lý nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai KH&CN đang vận hành tốt, góp phần nâng cao

vai trò quản lý nhà nước và hiện đại hóa ngành KH&CN tỉnh nhà.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bào chế mới sản xuất viên ngậm ho từ thảo dược, đã nghiên cứu công thức, liều lượng, chuẩn hóa dược liệu và sản xuất thành công Viên ngậm ho từ thảo dược theo công nghệ bào chế hiện đại (sấy lạnh thăng hoa, chiết cô chân không, kỹ thuật luyện châu ...). Sản phẩm đã được Viện Kiểm nghiệm dược Trung ương đánh giá thuộc nhóm chất không độc, được Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh đánh giá có tác dụng lâm sàng rõ rệt đối với bệnh ho. Kết quả đề tài đã được Hội đồng khoa học đánh giá xếp loại xuất sắc. Hiện sản phẩm đã được chứng nhận lưu hành trên toàn quốc.

Ứng dụng một số biện pháp kỹ thuật trong Quản lý dịch hại tổng hợp phòng trừ bệnh đốm đen hại bưởi Phúc Trạch, đã xây dựng được biểu đồ phát sinh phát triển, mức độ gây hại và ảnh hưởng của bệnh đốm đen đến các yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng bưởi Phúc Trạch; đã xác định được loại thuốc Score 250EC phun sau thời điểm hoa nở rộ 6 - 7 tuần, với 3 lần phun, mỗi lần phun cách nhau 15 ngày có hiệu quả cao trong việc phòng trừ bệnh đốm đen hại bưởi Phúc Trạch; xây dựng thành công mô hình phòng trừ tổng hợp bệnh đốm đen hại bưởi Phúc Trạch tại 4 xã: Hương Trạch, Phúc Trạch, Lộc Yên, Gia Phò. Kết quả đề tài đã được nhân dân trong

(Xem tiếp trang 8)

ỨNG DỤNG KẾT QUẢ CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀO HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH TẠI HÀ TĨNH

Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ (KH&CN) trong ngành Y tế là hoạt động rất quan trọng và cần thiết để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng dịch bệnh, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng KH&CN vào công tác khám chữa bệnh, y tế dự phòng, nổi bật là ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong y học để triển khai nhiều kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Năm 2016, ngành Y tế đã hoàn thành và được nghiệm thu 01 đề tài cấp tỉnh, tiếp tục triển khai 04 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; nghiệm thu 01 đề tài cấp ngành, 82 đề tài/sáng kiến cấp cơ sở. Các đề tài đã đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn và hoạt động quản lý ngành, cụ thể như sau:

Đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu tình hình tai nạn thương tích và các yếu tố ảnh hưởng tại Hà Tĩnh” và đề tài “Nghiên cứu thực trạng cấp cứu và áp dụng các giải pháp nâng cao chất lượng cấp cứu tại các bệnh viện ở Hà Tĩnh” đã được áp dụng trong công tác tổ chức cấp cứu tại các bệnh viện và phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng trên địa bàn. Các đề tài có tính hiệu quả cao khi triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng khám, điều trị các bệnh

cấp cứu. Xây dựng hướng dẫn, phác đồ, quy trình kỹ thuật cấp cứu để cập nhật kiến thức, kỹ năng xử trí cấp cứu, sơ cứu tai nạn thương tích cho các bác sĩ, điều dưỡng làm công tác cấp cứu tại các bệnh viện, các trạm y tế xã và người dân tại cộng đồng.

y tế khắc phục những tồn tại để quản lý công tác kiểm soát nhiễm khuẩn phù hợp, có chính sách sử dụng kháng sinh hợp lý để hạn chế tình trạng kháng thuốc. Hay như đề tài “Nghiên cứu ứng dụng viên ngậm giảm ho từ thảo dược” của Công ty Cổ phần



Đại tá, bác sĩ CKII Trần Văn Hiến – PGD Bệnh viện Quân y 4 (thứ 3 từ trái sang) chuyển giao kỹ thuật tán sỏi niệu quản ngược dòng bằng laser cho các y, bác sĩ BVĐK huyện Hương Sơn.

Ảnh: P.V

Củng cố hệ thống cấp cứu tại các bệnh viện đa khoa trong tỉnh nhằm chủ động đáp ứng tốt với các tình huống cấp cứu, tai nạn, thảm họa; đề tài “Nghiên cứu tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện và đề xuất các giải pháp” đã đánh giá tình hình nhiễm trùng bệnh viện tại các bệnh viện đại diện trong tỉnh, xác định tỷ lệ nhiễm trùng bệnh viện, tình hình kháng kháng sinh và đề xuất các giải pháp giúp ngành

Được Hà Tĩnh, cho thấy kết quả điều trị đạt mức độ tốt 85%, khá 15%, trong đó tác dụng giảm ho đạt 85%, tác dụng long đờm đạt trên 90%, các phản ứng không mong muốn (buồn nôn) chiếm 1.67%

Về việc ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới: Tại bệnh viện Đa khoa tỉnh, trong năm 2016 nhận chuyển giao, triển khai được 25 kỹ thuật mới như kỹ thuật sinh học phân tử;

phẫu thuật bằng dao mổ siêu âm; khám sàng lọc và điều trị bệnh vông mạc ở trẻ sinh non; phẫu thuật cột sống; phẫu thuật nội soi điều trị bệnh lý ống tiêu hóa, sỏi ống mật chủ, thoát vị bẹn; điều trị các bệnh ngoài da bằng dao plasma; điều trị bằng điện từ trường toàn thân...

Tại các bệnh viện tuyến huyện đã triển khai được nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật tuyến trên như: Phẫu thuật nội soi tiêu hóa, phẫu thuật Phaco, phẫu thuật kết hợp xương; thắt tĩnh mạch thực quản bị giãn, vỡ.

Song song với việc ứng dụng công nghệ để phát triển kỹ thuật, công tác nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật cũng đã được ngành Y tế chú trọng. Năm 2016 toàn ngành có 82 đề tài, sáng kiến cấp cơ sở được công nhận. Các đề tài, sáng kiến tập trung vào ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới, cải tiến quy trình khám bệnh, ứng dụng công nghệ thông tin, khảo sát sự hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế,... Những đề tài này đã giúp ngành Y tế có những số liệu, giải pháp phù hợp để quản lý điều hành, cải tiến chất lượng bệnh viện và chất lượng cung cấp các dịch vụ của ngành.

Mặc dù còn nhiều khó khăn song có thể nhận thấy, bằng việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, chất lượng công tác khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh đã được cải tiến, giúp người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng cao ngay tại tuyến huyện và tuyến tỉnh, giảm chi phí, góp phần giảm tải cho

tuyến trên đồng thời thực hiện công bằng trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, tỷ lệ người hài lòng của người dân tăng lên, giảm rõ rệt các ý kiến phản ánh bức xúc. Công tác phòng chống dịch đạt được những kết quả tốt, dịch bệnh được phát hiện sớm, không ché và đẩy lùi, nhiều năm trên địa bàn tỉnh không có dịch lớn xảy ra. Công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình có nhiều tiến bộ, góp phần sớm đạt được mục tiêu giảm sinh, nâng cao chất lượng dân số.

Để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân từ nay đến năm 2020, ngành Y tế tiếp tục chỉ đạo các đơn vị nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng bệnh viện, hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh; thực hiện tốt Kế hoạch đôi mới phong cách, thái độ phục vụ, thực hiện cơ sở Y tế “Xanh – Sạch – Đẹp – An Toàn”. Thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu, ứng dụng KH&CN. Đối với lĩnh vực khám chữa bệnh tiếp tục đầu tư ứng dụng triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu đối với một số bệnh viện tuyến tỉnh; đảm bảo đến năm 2020 các bệnh viện tuyến tỉnh thực hiện được tất cả các kỹ thuật theo phân tuyến quy định. Riêng đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh có thể thực hiện được các kỹ thuật của tuyến trung ương trong một số chuyên ngành: Tim mạch can thiệp, chẩn đoán và điều trị ung bướu, huyết học và truyền máu, chấn thương chỉnh hình, chẩn đoán sàng lọc sớm các dị tật bẩm sinh

của thai nhi, hỗ trợ sinh sản điều trị hiếm muộn, phẫu thuật nội soi lồng ngực; chẩn đoán sàng lọc một số bệnh lý bẩm sinh di truyền; sản xuất và cung cấp các chế phẩm máu cho phẫu thuật và điều trị, triển khai điều trị bệnh lý về máu,... Phát triển chuyên khoa chẩn đoán và điều trị ung bướu có khả năng chẩn đoán, điều trị bằng thuốc, hóa chất, xạ trị, phẫu thuật đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh về ung bướu cho nhân dân trong tỉnh. Đáp ứng đủ nhu cầu chạy thận nhân tạo của bệnh nhân suy thận,...

Đối với bệnh viện tuyến huyện và các cơ sở khám chữa bệnh tuyến cơ sở, trọng tâm là tiếp thu, làm chủ các kỹ thuật trong phạm vi phân tuyến quy định, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ tuyến tỉnh trên cơ sở chọn lọc ưu tiên phù hợp với đặc thù của địa phương, Thực hiện có hiệu quả mô hình quản lý các bệnh mãn tính không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái tháo đường tại cộng đồng, mô hình bác sĩ gia đình,...

Trong lĩnh vực y học dự phòng tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán sinh học phân tử phục vụ chẩn đoán phân lập chính xác và nhanh chóng các chủng vi rút, vi khuẩn gây dịch; các phương pháp giúp giám sát phát hiện dịch chủ động; các kỹ thuật, thiết bị phục vụ kiểm dịch biên giới, vệ sinh môi trường lao động, giám sát kiểm định an toàn vệ sinh thực phẩm...

Đối với lĩnh vực y - dược học cổ truyền, tiếp tục ứng dụng các thành tựu công nghệ vào chẩn đoán, điều trị, sản

xuất, bào chế dược liệu theo phương châm kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền nhằm nâng cao tính khoa học, xác thực trong chẩn đoán; tăng sự thuận lợi trong sử dụng thuốc và tuân thủ điều trị thông qua việc bào chế, sản xuất các dạng thuốc phù hợp bằng thiết bị công nghệ mới.

Về ứng dụng CNTT: Tập trung nỗ lực thực hiện mục tiêu tin học hóa hệ thống Y tế Hà Tĩnh, kết nối mạng lưới y tế từ tỉnh đến xã, phường bảo đảm xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành, thông tin trực tuyến thông suốt từ hệ thống

báo cáo thông kê, số liệu đến truy cập, kết xuất các kết quả hoạt động... phục vụ đắc lực cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, trước hết ngành Y tế phải nâng cao năng lực về KH&CN, tăng cường khả năng lựa chọn, tiếp nhận và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH&CN phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị. Các đơn vị trong ngành tiếp tục phát huy tính tự chủ, năng động về ứng dụng thành tựu KH&CN, đảm bảo kinh phí và quản lý tốt nguồn kinh

phí dành các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN; đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Bên cạnh đó, ngành Y tế rất cần sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ban ngành trong tỉnh, đặc biệt là sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ để tiếp tục nâng cao khả năng ứng dụng KH&CN đảm bảo chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân./.

Theo Báo cáo tham luận tổng kết ngành KH&CN năm 2016 của Sở Y tế Hà Tĩnh

Nghiên cứu...

(Tiếp theo trang 5)

vùng ứng dụng nhân rộng, góp phần nâng cao chất lượng, mẫu mã và giá trị của sản phẩm Bưởi Phúc Trạch.

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình vườn mẫu theo hướng nông nghiệp hữu cơ tại xã Cẩm Bình – Cẩm Xuyên, đã cung cấp cho người dân các thông tin về sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn VSTP, mang lại lợi ích thiết thực về mặt khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường; xây dựng thành công mô hình trồng rau và nuôi gà theo hướng nông nghiệp hữu cơ tại xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên. Thu nhập từ rau đạt gấp 9 lần so với trồng lúa trên cùng một đơn vị diện tích, cao gần gấp đôi tiêu chí

thu nhập của vườn mẫu. Kết quả của dự án là cơ sở khoa học để tỉnh ban hành tiêu chí “vườn mẫu” trong xây dựng nông thôn mới.

Nghiên cứu xây dựng mô hình an toàn dịch bệnh lở mồm long móng ở gia súc và tai xanh ở lợn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bước đầu đã xác định được thực trạng và các yếu tố nguy cơ dẫn đến bệnh lở mồm long móng và tai xanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; xác định sự lưu hành của virus gây bệnh lở mồm long móng ở gia súc và virus gây bệnh tai xanh ở lợn nuôi ở Hà Tĩnh. Hiện đang triển khai 3 mô hình an toàn dịch bệnh lở mồm long móng trên gia súc và tai xanh ở lợn tại xã Cẩm Duệ (Cẩm Xuyên), thôn 1 thôn 2 (xã Hòa Hải - Hương Khê) và Trang trại ông Ước (xã Thạch Thắng - Thạch Hà). Kết quả các mô hình đến

thời điểm hiện tại là an toàn dịch bệnh, khả năng ứng dụng nhân rộng tốt.

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhân rộng mô hình thâm canh giống đậu xanh ĐXVN07 tại xã Hương Giang - huyện Hương Khê, đã tập huấn, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất thâm canh giống đậu xanh ĐXVN-07 cho nhân dân trong vùng; xây dựng thành công mô hình sản xuất thâm canh giống đậu xanh ĐXVN-07 tại xã Hương Giang - huyện Hương Khê, quy mô 50 ha, năng suất đạt bình quân 1,8 tấn/ha, cao gấp 1,5 lần so với giống đậu địa phương. Kết quả mô hình này là cơ sở khoa học để ngành Nông nghiệp & PTNT đưa giống đậu xanh ĐXVN-07 vào cơ cấu sản xuất trong tỉnh.

L.Đ.D

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trường Đại học Hà Tĩnh*

Là Trường Đại học duy nhất của tỉnh, với sứ mạng xác định là: xây dựng Nhà trường trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, trung tâm văn hóa chất lượng cao của tỉnh; một trường đại học đa cấp, đa ngành, có uy tín của khu vực Miền Trung và cả nước, đáp ứng yêu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ở nhiều trình độ, phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa; trở thành địa chỉ tin cậy của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà. Với sứ mạng cao cả đó, Trường luôn luôn xác định: hoạt động Khoa học và Công nghệ là một trong hai nhiệm vụ chính trị số 1 và luôn trăn trở tìm các giải pháp để đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn của tỉnh nhà.

Mặc dù được thành lập cách đây 10 năm, nhưng đánh giá một cách khách quan những thành tựu đạt được của Nhà trường trên lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ cũng đáng được ghi nhận:

Thứ nhất, bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, Trường Đại học Hà Tĩnh đã xây dựng một kế hoạch phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của một trường đại học. Đặc biệt là căn cứ vào Nghị quyết số 09- NQ/TU



Các nhà khoa học chụp ảnh lưu niệm tại Hội thảo khoa học quốc tế: “Quản lý môi trường và phát triển bền vững” do Trường Đại học Hà Tĩnh phối hợp tổ chức.
Anh: PV

của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng một Chương trình hành động cụ thể cho đơn vị mình. Chương trình hành động này vừa đáp ứng được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, vừa phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của một trường đại học. Trên cơ sở đó, các đơn vị trực thuộc tổ chức xây dựng chương trình hành động cụ thể cho đơn vị mình, làm cho hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Hà Tĩnh có kế hoạch thống nhất. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức xây dựng lại về Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ đúng với Luật Khoa học và Công nghệ và Điều lệ trường Đại học. Quy định này đã làm cho hoạt động Khoa học và Công

nghệ của Nhà trường trở nên quy cũ, góp phần thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn.

Thứ hai, là xây dựng và phát triển đội ngũ khoa học vừa tinh thông về chuyên môn, vừa có tâm huyết với nghề nghiệp. Xác định vấn đề phát triển đội ngũ là vấn đề then chốt của một trường đại học; bởi vậy, ngay từ khi mới thành lập, Nhà trường đã chăm lo xây dựng lực lượng này. Đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường vừa đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu vừa tham gia giảng dạy thực hiện nhiệm vụ đào tạo; do đó chiến lược phát triển đội ngũ này liên quan đến mã ngành đào tạo của Nhà trường. Năm được đặc trưng này, trong những năm vừa qua, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ dài

hạn phục vụ cho cả hiện tại và tương lai. Cụ thể là, quy hoạch lại đội ngũ cán bộ trẻ, có năng lực, đủ phẩm chất cho đi đào tạo trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ ở những lĩnh vực mà tỉnh nhà đang cần, để có thể mở được các mã ngành đào tạo đại học. Bên cạnh đó, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định chính sách đặc thù đối với Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2011 – 2015 (Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh). Chính sách này đã tạo điều kiện cho nhiều cán bộ giảng viên đi học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ; đến thời điểm hiện tại, trường đã có 1 GS, 2 PGS, 18 TS, 148 ThS, 29 NCS. Song song với việc cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ, Nhà trường còn chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đối tượng trực tiếp công tác tại đơn vị; chẳng hạn, mở các lớp đào tạo ngắn hạn nâng cao trình độ ngoại ngữ, mời chuyên gia về giảng bài, tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác tự bồi dưỡng của từng cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ NCKH.

Thứ ba, mở rộng hợp tác Quốc tế đi vào chiều sâu NCKH. Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã tạo ra mối quan hệ mật thiết với nhiều cơ sở giáo dục trong và ngoài nước; đặc biệt là các mối quan hệ với các trường đại học nước ngoài. Trước hết là đặt mối quan hệ hợp tác với các



Từ điển Việt – Lào, sản phẩm của đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Từ điển giải thích thuật ngữ chuyên ngành Việt – Lào” đang được nhiều lưu học sinh Lào rất thích thú

trường đại học trong khu vực như Đại học Khon Kaen, Đại học Nakhon Phanom, Đại học Nông nghiệp Hoàng gia (Thái Lan); Đại học Sanvannakhet (Lào). Tiếp đó, Trường đặt mối quan hệ hợp tác với các nước ngoài khu vực như: Trường Đại học Vân Lâm (Đài Loan), Trường Đại học Trinity (Canada); Trường Đại học Mô Ural (Nga), Bước đầu các mối quan hệ quốc tế này là trao đổi sinh viên, giao lưu văn hóa nhưng càng dần về sau càng đi sâu vào những vấn đề liên quan đến NCKH.

Thứ tư, triển khai các đề tài NCKH của cán bộ giảng viên đúng định hướng; kết quả mang lại khả quan. Bám sát sự chỉ đạo của các bộ Đảng và chính quyền, căn cứ thực tiễn của địa phương, Nhà trường chủ động đề ra các định hướng trong NCKH: nghiên cứu cải tiến phương pháp dạy học đáp ứng nhu cầu thực tiễn, phát triển năng lực người học; nghiên cứu phát triển

nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu địa phương Hà Tĩnh; nghiên cứu bảo tồn và khai thác các di sản vật thể và phi vật thể, phát triển du lịch sinh thái gắn với du lịch tâm linh; các giải pháp phát triển ngành Nông nghiệp trên địa bàn địa phương,... Từ năm 2010 đến 2016, Nhà trường triển khai cho cán bộ giảng viên thực hiện trên 200 đề tài NCKH; trong đó có: 4 đề tài cấp Tỉnh, 2 dự án khoa học (mỗi dự án tương đương với 1 đề tài cấp Bộ). Trong 6 năm qua, các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước đăng tải trên 300 bài báo. Ngoài ra, tạp chí khoa học của Nhà trường hoạt động đều đặn, có chất lượng thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học. Những kết quả NCKH của giảng viên đạt được phần lớn chuyên gia phục vụ cho công tác đào tạo của Nhà

(Xem tiếp trang 15)

PHƯƠNG PHÁP 5S GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP

Th.s Bùi Phong An

Chi cục Trưởng Chi cục TC ĐL CL Hà Tĩnh

Trong quản lý có rất nhiều công cụ cũng như những triết lý giúp người quản lý thực hiện tốt công việc, ổn định và phát triển hoạt động của tổ chức. Các công cụ, triết lý, hệ thống quản lý như: ISO 9001, ISO 14000, KAIZEN, LEAN, JIT, TQM... Cũng như những công cụ khác, 5S là một công cụ được du nhập từ Nhật Bản nhưng nó rất phù hợp khi áp dụng vào Việt Nam. Đã và đang có rất nhiều tổ chức, doanh nghiệp đã áp dụng thành công 5S đặc biệt ở những doanh nghiệp sản xuất, nơi mà công nhân thường xuyên làm việc với các máy móc thiết bị và cần đảm bảo về an toàn lao động. 5S với những nguyên lý không quá phức tạp nhưng phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp nên rất thuận tiện khi thực hiện áp dụng nó vào doanh nghiệp.

Khái niệm 5S (5S methodology) bắt nguồn từ Nhật Bản vào đầu những năm 1980 thế kỷ XX. 5S được áp dụng lần đầu tiên ở Tập đoàn Toyota và phát triển rất nhanh sau đó ở các công ty Nhật Bản. Tiếp đó, được phổ biến sang nhiều nước khác. Ở Việt Nam, 5S lần đầu tiên được áp dụng vào năm 1993, ở 1 công ty Nhật (Vyniko). Hiện nay, rất nhiều tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam áp dụng 5S vì nó đem lại rất nhiều lợi ích.

1. 5S là gì?

5S là nền tảng cơ bản để thực hiện hệ thống đảm bảo chất lượng. Xuất phát từ quan điểm, nếu làm việc trong một môi trường lành mạnh, sạch đẹp, thoáng đãng, tiện lợi thì



trình thần sẽ thoải mái hơn, năng suất lao động sẽ cao hơn.

S1 - SEIRI (Sàng lọc): Là xem xét, phân loại, chọn lựa và loại bỏ những thứ không cần thiết tại nơi làm việc. Nên dán nhãn “đỏ” vào những dụng cụ, thiết bị và vật liệu cần thiết giữ lại.

S2 - SEITON (Sắp xếp): Là bố trí, sắp đặt mọi thứ ngăn nắp theo trật tự hợp lý để dễ dàng, nhanh chóng cho việc sử dụng, giảm thiểu thời gian tìm kiếm, loại bỏ những hành động dư thừa gây lãng phí thời gian.

S3 - SEISO (Sạch sẽ): Là giữ gìn vệ sinh tại nơi làm việc, máy móc, thiết bị để đảm bảo môi trường, mỹ quan tại nơi làm việc.

S4 - SEIKETSU (Săn sóc): Là duy trì thường xuyên những việc đã làm, cải tiến liên tục nơi làm việc để đạt được hiệu quả cao hơn là điều rất quan trọng

và cần thiết.

S5 - SHITSUKE (Sẵn sàng): Giáo dục mọi người có ý thức, tạo thói quen tự giác tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại nơi làm việc. Hãy biến mọi việc làm tốt đẹp trở thành thói quen, niềm yết kết quả đánh giá 5S.

2. Lợi ích của phương pháp 5S

- Vấn đề thường gặp đối với các tổ chức, doanh nghiệp là giữ quá nhiều đồ không cần thiết và chúng không được sắp xếp gọn gàng; các khu vực làm việc phân chia chưa hợp lý, đặc biệt là các tổ chức lớn. Phương pháp 5S có thể giải quyết vấn đề này. Bởi nhiều vấn đề sẽ rất khó phát hiện khi lưu quá nhiều các vật dụng mà không có chọn lọc. Tuy nhiên, nhờ S1 (Seiri) mọi thứ không/chưa liên quan, không/chưa cần thiết cho hoạt động tại một khu vực sẽ phải được tách biệt ra khỏi những

thứ cần thiết sau đó loại bỏ hay đem ra khỏi nơi sản xuất. Chỉ có đồ vật cần thiết được xếp ngăn nắp, gọn gàng, đặt ở những vị trí thuận tiện cho người sử dụng; máy móc thiết bị trở nên sạch sẽ, được bảo dưỡng, bảo quản mới để tại nơi làm việc. Sĩ thường được tiến hành theo tần suất định kì.

Lợi ích tiếp theo của phương pháp 5S là giảm lãng phí cho doanh nghiệp. Đó là những lãng phí phát sinh từ việc tìm kiếm, sắp đặt, vận chuyển, thay thế máy móc, trang thiết bị. Giúp giảm chi phí lưu kho, khoảng không, các vật dụng – tài liệu lỗi thời, các vật dụng đã hết giá trị.

Áp dụng phương pháp 5S, các máy móc, trang thiết bị sẽ được kiểm tra, lau chùi, bảo dưỡng hàng ngày; phòng ngừa việc hỏng hóc của thiết bị, nâng cao hiệu suất sử dụng của máy móc. Nhờ đó vấn đề về an toàn lao động cũng được nâng cao.

- Nơi làm việc trở nên sạch sẽ và ngăn nắp hơn, tăng cường phát huy sáng kiến cải tiến, mọi người làm việc có kỷ luật. Các điều kiện hỗ trợ luôn sẵn sàng cho công việc. Áp dụng phương pháp 5S thường xuyên giúp tất cả nhân viên đều có thể tham gia hoạt động, nâng cao tinh thần tập thể, tạo sự hòa đồng của mọi người. Qua đó mọi người làm việc có thái độ tích cực, có trách nhiệm và ý thức trong công việc, từ đó năng suất chất lượng công việc được tăng lên đáng kể trong doanh nghiệp.

- Dễ dàng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian trong quá trình làm việc, tạo tinh thần và bầu không khí làm việc cởi mở, từ đó năng suất làm việc được tăng lên đáng kể.

Một nơi làm việc gọn gàng, sạch sẽ, an toàn cho sức khỏe; một không khí làm việc tập thể cởi mở; một tinh thần làm việc hăng say - đó là những gì mà 5S

đem lại. Triết lý của 5S đơn giản, không đòi hỏi phải biết các thuật ngữ khó. 5S có thể áp dụng đối với mọi loại hình tổ chức và mọi qui mô doanh nghiệp và có thể áp dụng ở bất kỳ lĩnh vực nào: sản xuất, thương mại hay dịch vụ.

3. Hiệu quả việc áp dụng 5S

Việc áp dụng phương pháp 5S đã được nhiều doanh nghiệp và tổ chức áp dụng thành công và mang lại hiệu quả thiết thực, hiện nay ở Hà Tĩnh Công ty Điện lực Hà Tĩnh và Công ty xăng dầu Hà Tĩnh là một trong những đơn vị tiên phong áp dụng phương pháp 5S vào hoạt động sản xuất kinh doanh, bước đầu đã mang lại hiệu quả rất lớn và vô cùng ý nghĩa đối với Công ty mà cốt lõi là nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; hệ thống quản lý thường xuyên được cải tiến; nơi làm việc trở nên sạch sẽ, gọn gàng ngăn nắp và khoa học hơn; người lao động tuân thủ kỷ luật lao động hơn; các điều kiện, phương tiện hỗ trợ luôn sẵn sàng cho công việc; giúp tiết kiệm thời gian di chuyển, tìm kiếm, tiết giảm chi phí (đặc biệt là chi phí in ấn); môi trường làm việc an toàn hơn, bảo vệ môi trường xung quanh; đặc biệt hình ảnh Công ty ngày càng được nâng cao, góp phần củng cố uy tín thương hiệu, tạo dựng niềm tin nơi khách hàng. “5S - đơn giản, thực tế, dễ hiểu” đã giúp thay đổi nhận thức, hình thành thói quen, tác phong chuyên nghiệp cho đội ngũ quản lý, người lao động. Kỹ năng làm việc khoa học, chuyên nghiệp là tài sản, hành trang quý của mỗi người lao động trên con đường cống hiến và thăng tiến của sự nghiệp và thậm chí áp dụng ngay trong cuộc sống hàng ngày của bản thân mình.

4. Một số rào cản khi triển khai thực hiện 5S

Việc triển khai 5S hiện nay chưa tạo được sự phát triển mạnh mẽ là do một số rào cản, khó khăn khi triển khai như:

Thứ nhất, đó là việc thay đổi nhận thức của CBCNV - người lao động để họ hiểu rõ lợi ích của 5S, từ đó thay đổi hành vi, hình thành thói quen và tác phong khoa học. Thông thường, khi tiếp cận một phương pháp quản lý mới sẽ gặp trở ngại về thay đổi thói quen, nếp làm việc cũ và cũng cần có lộ trình, thời gian để thay đổi, cải tiến và thích nghi. Vì vậy, việc tuyên truyền, vận động mọi người nhận thức và thực hiện là điều cần phải được nghiên cứu và thực hiện dưới nhiều hình thức với quyết tâm cao.

Thứ hai, bản chất phương pháp 5S là quản lý bằng hiện thị, nên việc xây dựng các chuẩn hiện thị để mọi người nhận biết, thực hiện, tuân thủ là một thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp, nhất là lúc ban đầu hạ tầng được đầu tư qua nhiều giai đoạn nên tính đồng bộ chưa cao. Muốn nhất thể hóa phải có thời gian, từng bước thực hiện cuốn chiếu để chuẩn hóa thống nhất với một sự kiên trì về hướng đích, quyết liệt về mục tiêu và mềm dẻo về phương pháp.

Thứ ba, đó là sự cam kết quyết liệt, ý chí của lãnh đạo cấp cao và đặc biệt là sự nêu gương của đội ngũ quản lý, các cấp - thành tố quan trọng để theo đuổi thành công chương trình 5S tại mỗi phòng ban, đơn vị.

Có thể nói rằng việc áp dụng phương pháp 5S mang lại hiệu quả rất lớn và vô cùng ý nghĩa đối với các tổ chức và doanh nghiệp mà cốt lõi là nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ như ở Hà Tĩnh hiện nay.

TÁI TẠO NGUỒN KHÍ BIOGAS SẠCH - LỢI CẢ ĐÔI ĐƯỜNG

TS. Trần Hòa Duân¹;

Ngô Quỳnh Phương¹; Nguyễn Hữu Đồng²

Thực trạng sản xuất và sử dụng biogas

Trong giai đoạn từ năm 2011 - 2016, ngành chăn nuôi lợn phát triển rất mạnh bởi trong giai đoạn này Hà Tĩnh đã ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư và phát triển chăn nuôi, trong đó có chăn nuôi lợn. Theo số liệu thống

trang trại nuôi lợn kết quy mô lớn có sự phát triển rất mạnh, năm 2011 chỉ có 8 cơ sở nhưng đến năm 2015 đã có đến 137 cơ sở tăng gấp 17 lần, chăn nuôi gia trại ổn định trong khi đó hình thức quy mô vừa và nhỏ phát triển mạnh (chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ tăng từ 17 mô hình năm 2011 lên 233 mô hình năm 2015, gấp 13,7 lần). Điều này đã góp phần tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân Hà Tĩnh. Tuy vậy, bên cạnh giá trị kinh tế là nhiều thách thức/sức ép về môi trường (nước thải, chất thải rắn, mùi hôi,.....) mà ngành chăn nuôi đã và đang để lại cho Hà Tĩnh.

Sản xuất và sử dụng hiệu quả khí biogas từ hoạt động chăn nuôi lợn cũng đang là một trong những thách thức về môi trường hiện nay bởi phần lớn hoạt động chăn nuôi đều sử dụng công nghệ biogas để xử lý chất thải (phân và nước thải) và sẽ tạo ra một hỗn hợp khí gồm: CH₄, H₂S, NH₃,..., trong đó khí CH₄ là khí rất thường được sử dụng làm chất đốt, chạy máy phát điện,... hiệu quả bên cạnh đó còn có các khí đồng hành khác như: CO₂, H₂S, NH₃, SO₂... lại gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, ăn mòn máy móc và sức khỏe của cộng đồng.

Theo số liệu thống kê của Chi cục Thú y Hà Tĩnh tính đến tháng 12/2015, trên địa bàn Hà Tĩnh đã có 13.354 công trình sản xuất khí biogas với tổng thể tích các công trình là 290.623 m³. Chất lượng sản xuất khí biogas,

qua số liệu đo đạc tại 100 trang trại và gia trại trên địa bàn 12 huyện thị tại Hà Tĩnh cho kết quả như sau:

Bảng 1. Chất lượng khí biogas của trang trại và gia trại được phân tích theo mùa.

	Thành phần	Đơn vị	Mùa đông		Mùa hè	
			Trang trại	Gia trại	Trang trại	Gia trại
1	Lưu lượng	m ³ /h	31	33	38	42
2	CH ₄	%	52	56	67	65
3	CO ₂	%	47	43	30	31
4	H ₂ S	ppm	2938	4200	6.789	5.879
5	NH ₃	ppm	876	899	> 1000	> 1000
6	O ₂	%	1	1,8	2,2	3

Qua bảng số liệu trên cho thấy, hàm lượng khí CH₄ sản xuất từ các công trình biogas chưa cao (52-67%) nên việc khai thác và sử dụng khí CH₄ cho các mục đích như làm chất đốt, chạy máy phát điện,... còn hạn chế (Bảng 2).

Bảng 2. Các hình thức sử dụng khí biogas ở Hà Tĩnh

TT	Hình thức sử dụng	Tỷ lệ sử dụng (%)
1	Chất đốt sinh hoạt và thắp sáng	40
2	Chạy máy phát điện	0,01
3	Đốt không kiểm soát và xả thải tự do	59,09

Từ số liệu ở Bảng 2 cho thấy tỷ lệ các trang trại thu gom, xử lý và sử dụng khí biogas ở Hà Tĩnh còn thấp 40% và còn tới gần 60% trang trại đang đốt, xả thải tự do điều này vừa lãng phí nguồn nhiên liệu vừa làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường không khí.



Hình 1: Chất lượng khí biogas được sản xuất tự nhiên của các gia trại và trang trại ở Hà Tĩnh

Cần phải có giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất và sử dụng khí biogas.

Thực trạng trên cho thấy phải làm thế nào để các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tận dụng hết nguồn khí biogas tránh gây lãng phí và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi là rất cần thiết. Năm 2015 Sở KH&CN đã đặt hàng nghiên cứu đề tài "Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN trong việc sản xuất và sử dụng hiệu quả khí biogas chất lượng cao ở các trại chăn nuôi tập trung tại Hà Tĩnh" cơ quan trúng tuyển thực hiện đề tài Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Huế và chủ trì thực hiện Tiến sỹ Trần Hòa Duân.

Thông qua quá trình khảo sát, đánh giá tình hình sản xuất sử dụng khí biogas và phân tích chất lượng khí cũng như hiệu suất xử lý chất thải chăn nuôi của hầm biogas cho thấy, việc nghiên cứu khoa học để đưa ra một số giải pháp công nghệ nhằm nâng cao chất lượng khí biogas cho các hầm biogas ở các trang trại cũng như gia trại trên địa bàn tỉnh đã được áp dụng và thu được một số kết quả bước đầu như sau:

(1) Phát triển chế phẩm vi sinh kỵ khí bổ sung hầm biogas nhằm tăng hiệu suất chuyển hóa chất thải và giảm các khí đồng hành không

mong muốn bằng cách sử dụng khí này để tạo ra khí CH₄ và ổn định hiệu suất tạo khí mà ít phụ thuộc vào điều kiện môi trường. Kết quả hoạt động của chế phẩm vi sinh dựa trên sự thay đổi chất lượng khí biogas đầu ra của hầm biogas của cả gia trại và trang trại. Hoạt động của các loại vi sinh trong chế phẩm đã làm tăng hàm lượng khí CH₄ tăng lên trung bình 10% (hàm lượng CH₄ từ 55-60% tăng lên 70%) và làm giảm hàm lượng khí CO₂, NH₃ và H₂S xuống 15%; 15% và 20% theo thứ tự so với việc tạo khí biogas tự nhiên của chính 03 hầm thử nghiệm (CO₂ từ 40% giảm xuống 25%; NH₃ từ > 10.000 ppm xuống còn khoảng từ 6.000 ppm và H₂S từ > 10.000 ppm xuống 5.000 ppm). Ngoài ra, chế phẩm vi sinh kỵ khí giúp cho việc tạo khí biogas ổn định hơn mà không phụ thuộc vào sự giao động của thời tiết theo mùa trong năm.

(2) Sử dụng bộ lọc khí biogas có hiệu quả cao để nâng cao chất lượng khí biogas đủ tiêu chuẩn chạy động cơ biogas tạo điện nhằm đảm bảo kéo dài tuổi thọ động cơ nhằm khuyến khích người dân sử dụng khí biogas cho động cơ chạy điện. Hệ thống lọc khí với 4 cột lọc đã hoạt động rất tốt và đã lọc toàn bộ khí đồng hành không mong muốn trong biogas. Cụ thể: Hàm lượng CH₄ > 95%; CO₂ 0-5%; H₂S ≤ 10

ppm; NH₃ 0-5 ppm. Chất lượng khí biogas sau khi qua bộ lọc rất đạt tiêu chuẩn để chạy động cơ phát điện biogas mà không ảnh hưởng đến tuổi thọ động cơ (Tiêu chuẩn khí biogas chạy động cơ máy phát điện như sau: CH₄> 70%; CO₂< 30%; H₂S < 1000 ppm) và tốt hơn mục tiêu cam kết của dự án (CH₄ 90-95%; CO₂ 5-10%; H₂S ≤ 50 ppm; NH₃ < 10 ppm). Chất lượng ngọn lửa dùng khí biogas sau bộ lọc rất tốt: lửa cháy xanh và tuyệt đối không còn mùi hôi như trước.

Có thể nói rằng việc áp dụng các tiến bộ khoa học trong việc sản xuất khí biogas đã làm thay đổi đáng kể chất lượng khí biogas tạo ra từ việc giải quyết vấn đề chất thải chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường tại các trang trại và gia trại chăn nuôi trên địa bàn Hà Tĩnh. Chất lượng khí biogas được tạo ra với các công nghệ được áp dụng đã đem đến nhiều sự lựa chọn hơn cho người sử dụng nguồn khí đốt sạch này như: chạy máy phát điện thấp sáng, làm mát và sưởi ấm trang trại mà không lo sự rắc rối của khí đồng hành H₂S ăn mòn động cơ hay dùng làm nguyên liệu đun nấu mà không ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của người dân.



Hình 2: Chất lượng khí biogas được nâng lên rõ rệt sau khi áp dụng các công nghệ khoa học

Vì vậy, với sự hỗ trợ từ chính sách và tài chính của nhà nước cùng với ý thức bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe của người dân thì việc sử dụng khí biogas sạch có hiệu quả hơn là điều dễ nhận thấy thông qua việc sử dụng khí này vào nhiều mục đích dân sinh hơn là chỉ sử dụng chủ yếu làm khí đốt như hiện nay.

1: Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Huế; 2: Trường Đại học Hà Tĩnh

Đẩy mạnh...

(Tiếp theo trang 9)

trường; một số ít là cơ sở luận cứ cho các đường lối chính sách của tỉnh nhà.

Thứ năm, gắn hoạt động nghiên cứu của giảng viên với hoạt động NCKH của sinh viên. Nhiệm vụ cán bộ giảng dạy tại Trường Đại học Hà Tĩnh là tham gia giảng dạy phục vụ đào tạo và NCKH. NCKH của cán bộ giảng viên phải phục vụ việc giải quyết các vấn đề bức thiết của tỉnh nhà và phục vụ công tác đào tạo. Do đó, trong kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ ngắn hạn hay dài hạn của Nhà trường đều quán triệt quan điểm: gắn NCKH của cán bộ giảng viên với hoạt

động NCKH của sinh viên để đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nhiều đề tài của sinh viên là một phần (một nhánh) của đề tài cán bộ hướng dẫn. Sinh viên Trường Đại học Hà Tĩnh cũng như sinh viên các trường đại học khác trên mọi miền đất nước, đang nỗ lực hết sức mình trong hoạt động NCKH.

Bên cạnh những kết quả nghiên cứu KH&CN trong thời gian qua mà trường đã đạt được, thì việc tăng cường ứng dụng những thành tựu KHCN tiên tiến vào nghiên cứu, dạy và học tại trường trong thời gian tới cũng được tập trung xây dựng như: Hình thành các nhóm nghiên cứu theo chuyên môn hẹp, có cơ chế tạo điều kiện cho những

cán bộ làm khoa học có thể sống được trên thành quả lao động NCKH của bản thân mình; chú trọng các đề tài nghiên cứu giải quyết các vấn đề bức xúc của tỉnh nhà, đặc biệt quan tâm đến các nghiên cứu về Ngành Nông nghiệp, Du lịch, Y tế và Môi trường; gắn NCKH với Đào tạo, làm cho NCKH trở thành đòn bẩy để nâng chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho tỉnh nhà; chú trọng hơn nữa các nghiên cứu triển khai, ứng dụng thành quả Khoa học và Công nghệ vào thực tiễn đời sống, xác định KH&CN là đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế- xã hội. Phân đấu đề sớm có sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Hà Tĩnh.

KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CHUYÊN GIA KHKT VÀO SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯƠNG KHÊ

Trung tâm Ứng dụng KHKT & BVCTVN Hương Khê (Trung tâm) với chức năng đưa các tiên bộ KHKT và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời nâng cao nhận thức cho người sản xuất để họ tự tin, mạnh dạn áp dụng các thành tựu KHKT vào sản xuất, vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa sản xuất ra các loại sản phẩm sạch đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

Trong những năm gần đây được sự quan tâm giúp đỡ của Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hà Tĩnh. Trung tâm đã ứng dụng các thành tựu KHKT vào sản xuất, được các cấp chính quyền đánh giá cao, nông dân áp dụng vào sản xuất thành công, hiệu quả.

Kết quả ứng dụng khoa học công nghệ năm 2016 trên cây bưởi Phúc Trạch là hoạt động nổi bật của Trung tâm, phát huy kết quả thụ phấn bổ sung, tăng tỷ lệ đậu quả cho bưởi Phúc Trạch. Trung tâm đã phối hợp với Sở KH&CN, Trung tâm Khuyến nông tỉnh cùng cán bộ khuyến nông cơ sở trực tiếp tập huấn tại vườn cho bà con nông dân với phương châm cầm tay chỉ việc, hướng dẫn nhiều lần, cứ mỗi lứa ra hoa một lần hướng dẫn. Với phương pháp chuyên gia kiên trì, thực tiễn, cụ thể, dễ hiểu đã giúp người trồng bưởi mỗi lứa ra hoa một lần thụ phấn nên mật độ năm 2016, đầu năm rét đậm bưởi ra hoa muộn, lứa hoa cuối cùng vào trung tuần tháng 3 nhưng nhờ thụ phấn tích cực, tỷ lệ đậu quả vượt năm 2015. Khi quả đã đậu Trung tâm tiếp tục cử cán bộ xuống tận vườn



Các chuyên gia đang trao đổi kỹ thuật thụ phấn bổ sung cho Bưởi Phúc Trạch
Ảnh: PV

hướng dẫn bà con tỉa cành, định quả, phòng trừ sâu bệnh, bao quả nên bưởi Phúc Trạch năm 2016 đạt năng suất 12 tấn/ha, cao gấp 1,5 lần so với năm 2015. Mẫu quả đẹp nên bắt đầu được tiêu thụ tại siêu thị Vinmart ở Hà Nội tạo bước đột phá trong tiêu thụ bưởi Phúc Trạch. Để bưởi Phúc Trạch không bị chín ép Trung tâm tiếp tục phối hợp với Sở KH&CN phòng trừ bệnh đốm đen trên bưởi và một số giải pháp tổng hợp để nâng cao chất lượng, mẫu mã của quả bưởi tăng hiệu quả kinh tế cho người trồng bưởi. Trong quá trình chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của Trung tâm đã tận tụy chỉ cho người trồng bưởi những hạn chế mà quá trình thực hiện chưa đúng như kỹ thuật đề ra. Cụ thể, để quá nhiều quả trên một cây nên quả nhỏ, không đạt tiêu chuẩn bán vào siêu thị hoặc đầu tư không cân đối, nhiều đọt ít ka li làm cho mẫu mã quả không đẹp,

chất lượng không được như ý muốn.

Bên cạnh đất trồng bưởi thì diện tích đất bãi ven sông khá lớn, đây là lợi thế để trồng các cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, đậu xanh. Năm 2015, được sự hỗ trợ của Sở KH&CN, Trung tâm đã xây dựng 02 mô hình (Ứng dụng KHKT nhân rộng mô hình trồng lạc L27 và đậu xanh ĐXVN07) mang lại hiệu quả cao, thể hiện tính thích ứng của hai giống cây trồng trên. Trung tâm đã tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn mở rộng diện tích trồng lạc L27 tại một số xã đạt năng suất cao 36 tạ/ha như Phương Mỹ, Hà Linh. Diện tích đậu xanh ĐXVN07 năm 2015 là 60 ha, đến năm 2016 diện tích gieo trồng đạt 1.000 ha, năng suất cao hơn các giống đậu địa phương 400 kg/ha, hiện đang được các xã cất giữ giống để mở rộng diện

(Xem tiếp trang 18)

PHONG TRÀO SẢN XUẤT NẤM TẠI THẠCH HÀ VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI



Chủ tịch UBND tỉnh – Đặng Quốc Khánh; GD Sở KH&CN cùng Lãnh đạo các sở ngành liên quan – tham quan mô hình sản xuất Nấm của Cty Cp Phú Cường Đạt – xã Thạch Xuân. Ảnh: QT

Trong 4 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Thạch Hà bước đầu đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có sự đóng góp quan trọng của Đề án sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu đến năm 2020. Với nhiều mô hình, đề tài, dự án khoa học công nghệ về sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu đạt hiệu quả cao, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Nhìn lại quá trình triển khai thực hiện Đề án: Được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, nên các mô hình sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu theo hướng hàng hóa tập trung phát triển mạnh trên địa bàn huyện.

Đây chính là hướng đi đúng của tiến trình sản xuất hàng hóa trong ngành nông nghiệp, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Toàn huyện hiện có 14/31 xã, thị trấn với hơn 38 cơ sở triển khai sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu, chủ yếu là các loại (nấm rơm, nấm sò, mộc nhĩ và linh chi). Về diện tích lán trại sản xuất nấm trên địa bàn huyện tăng dần theo các năm, từ 5.000m² năm 2012 lên 10.040m² lán trại năm 2016, với 439.500 bịch nấm các loại. Ước tính sản lượng thu về trên 200 tấn nấm các loại với doanh thu khoảng 10 tỷ đồng. Hiện nay đã hình thành được 5 HTX và 15 tổ hợp tác sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu trên địa bàn huyện. Đặc biệt đã hình thành cơ sở sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu theo hình thức tổ chức sản xuất kiểu mới doanh nghiệp tư nhân trong xây dựng nông thôn mới tại xã Thạch Xuân, đây là doanh

niệp tư nhân đầu tiên trên địa bàn tỉnh nói chung và địa bàn huyện nói riêng chuyên về sản xuất nấm. Hình ảnh Công ty Cp Phú Cường Đạt là bà đỡ và đầu kéo để tổ chức lại sản xuất nấm theo hình thức liên kết sản xuất trong xây dựng nông thôn mới, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm đầu ra ổn định cho các tổ chức, cá nhân yên tâm mở rộng quy mô sản xuất nấm. Với doanh thu hàng năm 1.038 triệu đồng. Công ty đã đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên cho 4 lao động có đóng bảo hiểm xã hội với mức lương bình quân 3,5 triệu đồng/tháng; và 5 lao động thời vụ với mức lương 2,5- 3 triệu đồng/tháng.

Từ kết quả triển khai Đề án đã làm thay đổi tư duy, nhận thức về sản xuất cũng như sử dụng sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu cho người dân, do đó diện tích sản xuất và nhu cầu sử dụng các sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu trên địa bàn huyện đã tăng lên từng năm.

Có được kết quả đó, trước hết là sự chủ động của các ngành chuyên môn đã kịp thời tham mưu, đề xuất với Huyện ủy, HĐND, UBND huyện về kế hoạch phát triển nấm ăn và nấm dược liệu hàng năm, đề xuất xây dựng các mô hình phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng, phát huy lợi thế của một huyện nằm bao quanh thành phố, tập trung xây dựng các mô hình phát triển nấm ăn và nấm dược liệu theo hướng hàng hóa, an toàn và bền vững. Ngoài chính sách của tỉnh theo Quyết định 11/2013 sửa đổi bổ sung Quyết định 24, huyện Thạch Hà đã có chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nấm theo Quyết định 06/2015/QĐ-UBND với mức hỗ trợ 20 triệu đồng cho

những cơ sở sản xuất từ 20- 50 nghìn bịch nấm/lứa và 50 triệu cho những cơ sở sản xuất trên 60 nghìn bịch nấm/lứa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn đang còn một số khó khăn nhất định cần phải khắc phục, như: Một số hộ sản xuất vẫn còn tư tưởng vận dụng chính sách hỗ trợ của nhà nước mà chưa thực sự quan tâm đến hiệu quả của nghề sản xuất nấm; chất lượng bịch, giống nấm chưa ổn định, cho sản lượng chưa cao. Nguyên nhân là do công nghệ sản xuất giống nấm hiện nay ở một số cơ sở đang trong giai đoạn hoàn thiện và nâng cấp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, thu nhập trong sản xuất nấm và gây tâm lý dè dặt cho những người mới bắt đầu tiếp cận mô hình sản xuất; chi phí đầu tư lớn trong tương đối lớn, tuy nhiên thời vụ sản xuất nấm các loại chỉ kéo dài từ tháng 9 năm trước đến tháng 4 năm sau. Thời gian còn lại trong năm thời tiết nắng nóng chưa bố trí được

giống nấm phù hợp với quãng thời gian này. Điều đó làm ngất quảng thời vụ, lãng phí diện tích lán trại, giảm hiệu quả trong chu kỳ sản xuất nấm; chính sách hỗ trợ của tỉnh theo Nghị quyết 90 của HĐND và Quyết định 67 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ thấp so với thực tế đầu tư sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu, nên chưa kích cầu được người dân đầu tư phát triển sản xuất nấm...

Để Đề án sản xuất nấm thực sự lan tỏa, xác định trồng nấm là một trong những nghề chủ lực của tỉnh, thời gian tới huyện nhà sẽ tập trung triển khai một số nội dung sau: Xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất giống nấm của Công ty CP đầu tư phát triển Phú Cường Đạt ở xã Thạch Xuân, hộ sản xuất ông Tuyên xã Bắc Sơn, bà Minh xã Thạch Tân... Tạo môi trường thuận lợi để Công ty và các cơ sở phát triển về quy mô, nâng cao công nghệ sản xuất giống, cũng như thu mua sản

phẩm đầu ra cho người sản xuất; đối với 14 xã đã triển khai, đến cuối năm 2017 phấn đấu xây dựng ở mỗi xã sản xuất nấm quy mô bình quân từ 700- 1.000m² lán trại, từng bước hình thành các làng nghề trồng nấm, các tổ hợp tác, HTX cho những năm tiếp theo; các xã còn lại mỗi xã phấn đấu xây dựng tối thiểu 300m² lán trại trở lên; tiếp tục công tác tuyên truyền, đẩy mạnh phát triển sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu trên địa bàn huyện. Thay đổi tư duy của một số bộ phận người sản xuất; Theo từng giai đoạn, lựa chọn các xã làm điểm chỉ đạo theo hướng gia trại, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp quy mô lớn làm mô hình điểm để phát triển chương trình sản xuất nấm trên địa bàn huyện trong những năm tới.

Theo báo cáo tham luận tại Hội nghị tổng kết ngành KH&CN 2016 của UBND huyện Thạch Hà

Kết quả...

(Tiếp theo trang 16)

tích sản xuất vụ Hè thu 2017. Giống lạc L27 và giống đậu xanh ĐXVN07 đã trở thành hai giống chủ yếu trong sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày của huyện nhà. Ngoài ra, việc sử dụng chế phẩm sinh học để sản xuất phân vi sinh, xử lý ô nhiễm môi trường theo Đề án cũng đạt hiệu quả cao, đã và sẽ được nông dân ứng dụng trong chăn nuôi vừa và nhỏ.

Vội phương châm phát huy lợi thế của miền núi, năm 2015 Trung tâm thực hiện đề án ứng dụng KHCN nhân rộng mô hình nuôi ong lấy mật tại xã Hương Trạch thực sự mang lại hiệu quả cho người nuôi ong, vì vốn đầu tư thấp, lợi nhuận cao,

sản lượng đạt 6 tấn/năm với tổng doanh thu đạt 350 triệu. Lượng mật sản xuất ra được các doanh nghiệp thu mua hết, tạo liên kết tốt trong sản xuất và tiêu thụ mật ong. Bên cạnh đó thì một số giống lúa, ngô cũng được Trung tâm khảo nghiệm thành công và đưa vào sản xuất như giống lúa SV181 chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất ổn định.

Từ thực tế cho thấy, muốn có được kết quả cao trong sản xuất thì việc Ứng dụng các tiến bộ KHKT và chọn lựa đối tượng phù hợp là điều tiên quyết, đồng thời từ đó đúc kết ra được những bài học kinh nghiệm làm cơ sở khoa học cho phát triển sản xuất cụ thể như: Tăng cường tốt mối quan hệ giữa các cơ quan nghiên cứu và đầu tư nghiên cứu KHCN và

các đơn vị có chức năng ứng dụng KHCN để khi một nghiên cứu được khẳng định thì nhanh chóng được ứng dụng vào sản xuất; đơn vị ứng dụng phải biết lựa chọn những tiến bộ KHCN phù hợp với cây con và điều kiện sinh thái của địa phương; quá trình triển khai phải chú ý đánh giá, khảo sát địa điểm và đặc biệt chọn những người sản xuất có kiến thức và chấp nhận hợp tác thực hiện đầy đủ quy trình; khi ứng dụng tiến bộ KHCN thành công, cần tổ chức hội thảo đánh giá chính xác, đặc biệt lưu ý đến các biện pháp nhân rộng.

Theo Báo cáo tham luận tổng kết ngành KH&CN năm 2016 của Trung tâm Ứng dụng KHKT&BVCTVN Hương Khê.

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ TRÊN NỀN ĐỆM LÓT SINH HỌC

Nguyễn Thị Thủy

Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Hà Tĩnh

Chăn nuôi là nghề truyền thống và có vai trò rất quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của nước ta. Ngành chăn nuôi không chỉ có vai trò cung cấp thịt, trứng, sữa là các thực phẩm cơ bản cho tiêu dùng trong nước mà còn giải quyết nhiều công ăn việc làm cho lao động nông thôn.

Hà Tĩnh có tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội để phát triển chăn nuôi. Cùng với quá trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi trên toàn tỉnh, ngành chăn nuôi đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ theo hướng trang trại, gia trại quy mô lớn.

Trong đó chăn nuôi gà là nghề sản xuất truyền thống, giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu chăn nuôi toàn tỉnh. Gà là một trong những vật nuôi mang lại thu nhập chủ yếu cho người nông dân, bởi nuôi gà là loại hình sản xuất ngắn hạn, khả năng quay vòng đồng vốn nhanh, chi phí đầu tư ban đầu không cao. Đặc biệt, những năm gần đây các giống gà có năng suất và chất lượng cao được du nhập rộng rãi, các mô hình chăn nuôi gà phát triển nhanh chóng về số lượng và sản lượng đàn. Tuy nhiên, quá trình chăn nuôi với sản lượng đàn cao cùng với



Lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Sở KH&CN kiểm tra mô hình nuôi gà đẻ có sử dụng đệm lót sinh học tại công ty TNHH Vạn An.
Ảnh: PV

việc lưu trữ và sử dụng chất thải tiềm ẩn nhiều nguy cơ ô nhiễm môi trường, nhất là với những mô hình chăn nuôi trong khu dân cư. Quá trình chăn nuôi phát sinh nguồn khí thải SO_2 , NH_3 , CO_2 , H_2S , CH_4 , NO_3 -... đồng thời phát thải lượng lớn phân, nước thải có chứa các vi sinh vật có hại hay các ký sinh trùng có khả năng gây bệnh cho người. Các yếu tố này có thể làm ô nhiễm khí quyển, nguồn nước, thông qua các quá trình lan truyền độc tố và nguồn gây bệnh.

Nhằm góp phần phát triển chăn nuôi một cách bền vững, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ

KH&CN Hà Tĩnh đã triển khai mô hình “Nuôi gà trên nền đệm lót sinh học”, nhằm xây dựng các mô hình điển hình trình diễn và tham quan học hỏi cho người dân về hiệu quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi.

Để tuyên truyền hiệu quả kỹ thuật này, Trung tâm đã chú trọng đến công tác tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật ứng dụng chế phẩm HA-TIMIC làm đệm lót sinh học cho các hộ, chủ trang trại chăn nuôi tại các địa phương trên toàn tỉnh.

Kỹ thuật làm đệm lót sinh học đơn giản, nguyên liệu

quen thuộc, giá thành rẻ. Bà con cần sử dụng chất độn chuồng là trấu kết hợp mùn cưa, dày khoảng 8-10 cm, còn chế phẩm Hatimic ủ với bột ngô sau 5 ngày, sau đó rắc lên nền chuồng và cho gà sinh sống trên nền bình thường vì HATIMIC bản chất là một loại men vi sinh, là sản phẩm trung tính, không độc hại đối với người và vật nuôi. Ứng dụng chế phẩm này làm đệm lót sẽ giúp chuồng nuôi không có mùi, khí độc do bề mặt chuồng nuôi chứa các nhóm vi sinh vật đã được hoạt hóa, có chức năng phân giải ngay các chất hữu cơ còn sót lại trong phân, nước tiểu, thức ăn dư thừa thành chất không mùi, đồng thời ức chế và tiêu diệt sự hoạt động của các chủng nấm, chủng vi sinh gây hại. Ngoài ra hạn chế ruồi, muỗi xung quanh khu vực chăn nuôi vì không có nước để muỗi sinh sản, không có phân để ruồi đẻ trứng.

Trung tâm đã triển khai xây dựng mô hình tại 8 hộ và 1 trang trại. Cụ thể có 3 hộ mô hình tại xã Cẩm Bình huyện Cẩm Xuyên, 5 hộ mô hình tại xã Thạch Văn huyện Thạch Hà, với quy mô mỗi hộ nuôi 1.000 con gà thịt. Và trang trại của công ty TNHH Vạn An Hà Tĩnh tại xã Thạch Hạ, quy mô 10.000 con gà đẻ. Cán bộ kỹ thuật thường xuyên tham gia kiểm tra hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật và bảo dưỡng đệm lót đúng quy định. Kết quả bước đầu cho thấy mô hình chăn nuôi gà sử dụng

đệm lót sinh học đã mang lại nhiều lợi ích và hiệu quả thiết thực là không mùi hôi. Đàn gà sinh trưởng khỏe mạnh, đồng đều, giảm hẳn tỷ lệ dịch bệnh và chết, đặc biệt là tránh được một số bệnh phổ biến như viêm bàn chân, viêm mắt và bệnh phổi, tỷ lệ nuôi sống ở mô hình gà thịt đạt hơn 95%, với mô hình gà đẻ tỷ lệ loại thải dưới 1%. Ngoài ra, phải nói đến việc đàn gà tăng trọng nhanh, sau 3 tháng, mô hình gà thịt tăng trọng bình quân 1,7 đến 1,8 kg/con. Với mô hình gà đẻ do quá trình nuôi không thay chất độn chuồng và không phải chùi rửa chuồng nuôi nên đàn gà ít bị xáo trộn, tỷ lệ đẻ trứng và chất lượng trứng đảm bảo.

Về mặt kinh tế, đây là một công nghệ đưa lại hiệu quả cao nhờ tiết kiệm được nước dùng (chỉ dùng nước cho uống và phun giữ ẩm), tiết kiệm được sức lao động chăn nuôi (không phải rửa chuồng và dọn phân), tiết kiệm được thức ăn (một nguồn probiotics có tác dụng kích thích tiêu hóa và kích thích VSV có lợi trong đường ruột phát triển), giảm thiểu được chi phí thuốc thú y (do vật nuôi ít khi bị bệnh và chết).

Đối với đệm lót nếu bảo dưỡng tốt có thể sử dụng trong vài vụ nuôi tiếp theo. Thường thì sau 1 hoặc 2 đợt nuôi nếu đệm lót bị sụt giảm mới cần bổ sung thêm 5 – 10% chất độn và chế phẩm men. Sau khi xuất bán gà, nếu đệm lót không sử dụng nữa thì bà con có thể cào ra làm phân

bón cho cây trồng rất tốt nhờ có hàm lượng dinh dưỡng cao, các chất hữu cơ trong phân đã được phân giải thành các chất dễ tiêu, nên khi bón cây trồng có thể hấp thu được ngay đồng thời gia tăng hệ vi sinh vật hữu hiệu hoạt động liên tục trong đất, giúp cải tạo đất và sinh chất kháng sinh giúp cây trồng có khả năng kháng sâu bệnh cao.

Mô hình chăn nuôi gà trên nền chuồng đệm lót sinh học là mô hình phù hợp với phát triển chăn nuôi theo hướng nông nghiệp sạch, phát triển bền vững, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi diện tích đất cho phát triển chăn nuôi gia trại và trang trại đang gặp khó khăn, đặc biệt là đối với các nơi tập trung dân cư đông đúc. Việc ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà góp phần đáng kể hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hơn nữa, đây là mô hình dễ ứng dụng, vốn đầu tư không cao, thực hiện trong thời gian ngắn nhưng hiệu quả kinh tế mang lại khá cao cho người chăn nuôi.

Do vậy, sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà là một hướng đi phù hợp với điều kiện chăn nuôi gà ở Hà Tĩnh, khuyến khích nhân rộng tại các địa phương nhất là trong giai đoạn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để vừa tạo ra sản phẩm sạch, đạt hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

Được nâng tầm, cam Thượng Lộc có sớm vườn xa?

Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN) đã ban hành Quyết định số 1016/QĐ-SHTT ngày 9/1/2017 về việc cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cam Thượng Lộc cho UBND huyện Can Lộc. Đây là phân thưởng xứng đáng cho sự cần cù, nỗ lực của nhà nông qua bao mùa sai quả và cũng là cơ hội để cam Thượng Lộc vươn xa trên thị trường.

Niềm vui người trồng cam

Hàng chục năm gắn bó với cây cam cũng là ngần ấy thời gian anh Nguyễn Xuân Hòa (xóm Anh Hùng - xã Thượng Lộc) không ngừng mày mò để có sản phẩm ngon nhất. Với kiến thức nền tảng từ Trường Đại học Nông nghiệp cùng sự nỗ lực đã mang đến thành công cho anh. Chàng kỹ sư

nông nghiệp đã nhiều lần tìm về “đất cam” Hương Khê, Vũ Quang, thậm chí, sang tận vùng chuyên trồng cam của tỉnh Nghệ An - nơi nổi tiếng với thương hiệu cam Vinh để tìm hiểu về nguồn giống, kỹ thuật chăm sóc...

Trở về với những điều “mắt thấy tai nghe” và trên cơ sở chất đất, khí hậu vùng trà sơn, anh đã “giắt lưng” nhiều kinh nghiệm để vườn cam không chỉ sai quả mà còn mang vị ngọt thơm đặc trưng. Hiện, gia đình anh đã có 800 gốc cam cho thu hoạch, mỗi năm thu lợi trên 500 triệu đồng.

Anh Hòa chia sẻ: “Chưa bao giờ chúng tôi vui mừng như khi cam Thượng Lộc được bảo hộ nhãn hiệu, có “tên tuổi” trong làng cam cả nước. Trước đây, dù cam chất lượng nhưng chưa có thương hiệu nên vẫn khó tiêu thụ ở thị

trường xa, thương lái mua tận vườn vẫn có tình trạng ép giá. Nay cam đã có thương hiệu, tạo cơ hội để mở rộng thị trường. Vụ tết Nguyên đán Đinh Dậu vừa qua, gia đình tôi bội thu khi giá mỗi kg từ 100-120 ngàn đồng. Đặc biệt, với sự đỡ đầu của Nhà nước, cây cam sẽ tăng năng suất và chất lượng”.

Niềm vui của anh Hòa cũng là niềm vui chung của bà con vùng trà sơn, thuộc 8 xã Sơn Lộc, Đồng Lộc, Quang Lộc, Mỹ Lộc, Thượng Lộc, Gia Hanh, Phú Lộc và Nga Lộc. Rõ ràng, việc cam Thượng Lộc được cấp văn bằng bảo hộ là tiền đề quan trọng trong triển khai các hệ thống quản lý và phát triển một cách bài bản, có hiệu quả thời gian tới. Qua đó, góp phần nâng cao vị thế và sức cạnh tranh trên thị trường. Giờ đây, cam Thượng Lộc với những đặc điểm riêng như: quả nhỏ hơn cam Khe Mây, cam Vũ Quang, đều, màu vàng nhạt và vị ngọt thơm đậm đà... đã tạo nên ấn tượng với người tiêu dùng và tiếp thêm niềm tin cho nhà sản xuất.

Lộ trình phát triển

Cây cam chanh được trồng ở các xã trà sơn huyện Can Lộc từ hơn 20 năm nay. Tuy nhiên, trước đây, do sản xuất manh mún, nhỏ lẻ nên lợi thế cạnh tranh còn thấp. Những năm gần đây, thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, diện tích trồng cam toàn huyện không ngừng tăng, từ



Cam Thượng Lộc không chỉ sai quả mà còn có vị ngọt đặc trưng. Được bảo hộ nhãn hiệu sẽ mở ra cơ hội lớn cho sự phát triển của cam chanh Thượng Lộc; Ảnh: PV

(Xem tiếp trang 23)

CÔNG TY VIẾT HẢI - DOANH NGHIỆP ĐI ĐẦU TRONG VIỆC ĐẦU TƯ, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Với ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ vận tải và cung cấp vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trải qua quá trình phát triển, xác định đầu tư, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) là nhiệm vụ then chốt quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Năm 2009, qua quá trình nghiên cứu thị trường, tìm hiểu về cấu kiện bê tông công nghệ cao trên toàn quốc. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Viết Hải (Công ty) đã mạnh dạn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông công nghệ cao tại Cụm công nghiệp Phù Việt, tiếp đó đầu tư xây dựng thêm một nhà máy tại Khu công nghiệp Vũng Áng, với tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng. Đây là tiền đề để hình thành và phát triển một Doanh nghiệp KH&CN về lĩnh vực sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông công nghệ cao đầu tiên và lớn nhất tại Hà Tĩnh cho đến thời điểm hiện nay.

Cũng chính vì nhờ nghiên cứu sâu vào lĩnh vực này mà năm 2016 Công ty đã chính thức được trao chứng nhận là một trong 5 doanh nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh Hà Tĩnh với sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN: mương Parabol thành mỏng cốt sợi thép phân tán. Đây là sản phẩm được nhận chuyển giao kết quả



Từ sản phẩm nhận chuyển giao đến nay Công ty Viết Hải đã ươm tạo, làm chủ công nghệ và trực tiếp sản xuất được sản phẩm mương Parabol thành mỏng cốt sợi thép phân tán tại chỗ;
Ảnh: PV

KH&CN từ Viện KH&CN Xây dựng, đã ươm tạo, làm chủ công nghệ và trực tiếp sản xuất trên cơ sở công nghệ đó. Kết quả đã sản xuất được sản phẩm mương Parabol thành mỏng cốt sợi thép phân tán. Ưu điểm của sản phẩm: sợi thép được phân tán tương đối đồng đều trong bê tông, cải thiện được tính giòn, có khả năng kháng nứt, chịu co ngót, chịu biến dạng tốt dưới tác động của điều kiện khí hậu nóng ẩm. Vận chuyển đơn giản, khối lượng nhiều do xếp chồng lên nhau được. Thi công đơn giản, độ chính xác cao, giữa các đoạn có gối đỡ, do vậy có thể không cần tì vào nền đất, đáp ứng với yêu cầu đối với đoạn mương đi trên cao, đi xuyên qua các vị trí ruộng trũng thấp mà vẫn đáp

ứng yêu cầu chịu lực của công trình. Giá thành thấp hơn đôi với kênh xây gạch, đổ bê tông tại chỗ...

Hiện nay, ngoài sản phẩm mương Parabol thành thì các sản phẩm bê tông khác do công ty sản xuất cũng đã chiếm lĩnh được lòng các nhà quản lý cũng như nhà đầu tư xây dựng, như: Bê tông thương phẩm: có mác từ 150 đến 600, phục vụ cho các công trình dân dụng, cầu đường, giao thông, thủy lợi... ; cọc bê tông dự ứng lực: sản xuất theo TCVN 7888:2008 và tiêu chuẩn Nhật Bản JISA A5335 – 1997, A5337 – 1982. Sử dụng bê tông mác cao 80Mpa cùng với tác động của quá trình quay ly tâm và tác động của ứng lực trước của thép cường độ cao có

R>14000kg/cm². Có chiều dài từ 6 – 16m, dùng làm nền móng cho các công trình công nghiệp, dân dụng, cầu đường, bến cảng; ống công ly tâm: sản xuất trên dây chuyền ly tâm hiện đại, hỗn hợp bê tông chất lượng ổn định, đồng đều, khả năng chịu áp lực cao dùng cho thoát nước được sản xuất bằng công nghệ quay ly tâm; cột điện ly tâm: Đầy đủ các loại tải trọng A,B,C,D độ dài từ 7,5 – 20m đường kính ngọn 190. Sản phẩm được sản xuất theo TCVN 5847:1994.

Không chỉ dừng lại ở các sản phẩm bê tông. Hiện nay Công ty đang cùng với đối tác đầu tư xây dựng một nhà máy gạch không nung tại Cụm công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên với tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 140 tỷ đồng có công suất 110 triệu viên/năm. Tại nhà máy này toàn bộ dây chuyền được cung cấp từ đối tác Hàn Quốc, sản xuất theo công nghệ và tiêu chuẩn Châu Âu, quy trình sản xuất được tự động hóa hoàn toàn từ khâu phối trộn nguyên vật liệu đầu

vào cho đến khi thành phẩm. Đây là một trong những hướng đầu tư mới của Công ty trong việc cung cấp nguồn vật liệu xây dựng tiên tiến trên địa bàn, góp phần giảm thiểu sử dụng đất canh tác, tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải độc hại như CO₂, SO₂ và thân thiện với môi trường.

Với những kết quả đã đạt được và định hướng sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm, ổn định an sinh xã hội và đóng góp nguồn thuế ổn định cho tỉnh nhà. Hiện, Công ty đã được Hội đồng thẩm định giải thưởng chất lượng Quốc gia lựa chọn và chuẩn bị trao giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2016.

Đây là một trong 5 doanh nghiệp KH&CN trẻ mới được thành lập trên địa bàn Hà Tĩnh, cùng đó là những chính sách ưu đãi đối với Doanh nghiệp KH&CN khởi đầu như hiện nay. Hy vọng trong thời gian tới sẽ có nhiều Doanh nghiệp KH&CN được thành

lập, nhằm nâng cao hàm lượng khoa học trong các sản phẩm, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất các ngành nghề của địa phương.

Theo Cục Phát triển thị trường và DN KH&CN (Bộ KH&CN), khi đã được chứng nhận là DN KH&CN, các doanh nghiệp sẽ được hưởng nhiều ưu đãi khi thành lập như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% trong 9 năm và hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian có hiệu lực của giấy chứng nhận DN KH&CN. Đồng thời, các DN KH&CN cũng được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, sở hữu nhà cũng như được sử dụng thiết bị nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, sử dụng các dịch vụ miễn phí của các cơ sở ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp do các cơ quan nhà nước thành lập.

Quang Tùng – Tổng hợp

Được nâng tầm...

(Tiếp theo trang 16)

80 ha (năm 2010) lên gần 400 ha (năm 2016) với năng suất bình quân đạt 13,2 tấn/ha. Phấn đấu đến hết năm 2020, huyện sẽ đạt 800 ha cam chanh và quan trọng hơn là phát triển bền vững chất lượng.

Ông Võ Hữu Hào - Chủ tịch UBND huyện Can Lộc khẳng định: “Sự kiện cam Thượng Lộc được bảo hộ

nhãn hiệu là thành công lớn của huyện. Để bảo vệ và phát triển thương hiệu, chúng tôi sẽ chỉ đạo ban quản lý nhãn hiệu chứng nhận cam Thượng Lộc cùng các phòng, ban liên quan tăng cường quảng bá, xúc tiến kêu gọi đầu tư, mở rộng vùng sản xuất. Tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn nông dân thực hành sản xuất theo hướng VietGAP, ứng dụng mạnh KHKT trong sản xuất để sản phẩm cam Thượng Lộc vươn xa trên thị trường”.

Xung quanh hướng phát triển thương hiệu cam Thượng Lộc, Lãnh đạo Sở KH&CN cũng đã đề nghị UBND huyện Can Lộc tiếp tục quan tâm, chỉ đạo triển khai hệ thống quản lý thương hiệu. Dựa trên cơ sở vùng quy hoạch của địa phương, các hộ sản xuất, kinh doanh cam cần chú trọng nguồn giống, ứng dụng tiên bộ KHKT để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, từ đó bảo vệ bền vững thương hiệu.

Theo baohatinh.vn

DÙNG GẠCH KHÔNG NUNG: XU THẾ TẤT YẾU ĐỂ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thay vì sử dụng đất sét để sản xuất, một doanh nghiệp tại Việt Nam đã nghiên cứu thành công phương pháp chế tạo gạch xây sử dụng những nguyên liệu sẵn có, thân thiện với môi trường.

Hiện nay, để thi công các tòa nhà, công trình... rất nhiều chủng loại vật liệu xây dựng đã được đưa vào sử dụng. Trong đó, gạch viên rỗng làm từ đất sét nung được dùng phổ biến nhất do có hình dạng, tính năng và giá thành hợp lý.

Theo thống kê của Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, mỗi năm nước ta sử dụng khoảng 40 tỷ viên gạch để dùng cho các công trình xây dựng.

Như vậy, trong 10 năm tới, chúng ta phải sản xuất hơn 400 tỷ viên gạch, tương đương với 600.000 m³ đất sét. Cùng với đó là 60 triệu tấn than để nung gạch. Quá trình nung này lại nảy sinh ra nhiều vấn đề như: các viên gạch này sẽ tiêu tốn nhiều nhiên liệu khi nung, đặc biệt là nếu dùng than nung truyền thống sẽ gây ô nhiễm môi trường (do khối bụi phát sinh trong quá trình nung gạch) và gây ra hiệu ứng nhà kính do khí CO₂ thải ra trong quá trình nung đốt.

Thêm vào đó, việc sử dụng làm vật liệu chính để nung gạch sẽ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên đất, gây ra xói mòn đất và nhất là thu hẹp diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp.



*Ông Trần Trung Nghĩa giới thiệu về sản phẩm "Gạch ống xi măng cốt liệu".
Ảnh: P.V*

Theo ông Trần Duy Nghĩa, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy và Sản xuất Vật liệu mới Trung Hậu, trong những năm 60 của thế kỷ trước, miền Bắc đã sản xuất gạch nhẹ không nung, song ngày ấy không phát triển được bởi thiếu xi măng, sắt, thép... nên nhà thấp tầng chủ yếu là làm tường chịu lực, bắt buộc phải dùng gạch đất nung.

Trong khi đó, “ngày nay xi măng thừa thãi, sắt, thép không thiếu, xây nhà khung chịu lực là chính, gạch chỉ làm chức năng bao che, nên rất cần gạch nhẹ nhằm giảm trọng lượng của cả ngôi nhà, có nghĩa là giảm chi phí xây dựng phần móng”.

Việc sử dụng các vật liệu không nung đã và đang trở thành xu thế chung của ngành xây dựng trên thế giới. Tại Việt Nam, ngày 16/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 10 – CT – TTG về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây dựng không nung và hạn chế sản xuất gạch đất sét nung.

Trong đó, yêu cầu các công trình sử dụng vốn nhà nước như: trụ sở làm việc, bệnh viện, trường học... bắt buộc phải sử dụng vật liệu xây không nung, các công trình nhà cao tầng không phân biệt nguồn vốn cũng cần ưu tiên sử dụng vật liệu này. Đặc biệt, vật liệu xây dựng không nung loại

(Xem tiếp trang 27)

Nhớ lời Bác dạy, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ khoa học và công nghệ

Nguyễn Văn Thanh

Hiện nay, đất nước ta đang đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, phấn đấu sớm đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ (KH&CN) có giá trị to lớn, là động lực để chúng ta tiếp tục “phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực” nhằm tạo ra những sản phẩm khoa học ngang tầm khu vực và thế giới, xứng đáng với mong đợi của đất nước và nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảm nhận một cách sâu sắc ý nghĩa và vai trò to lớn của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Người từng nói chuyện tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ hai (5-1958), Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên, trí thức phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động và yêu khoa học, “bởi vì tiền lên chủ nghĩa xã hội phải có khoa học... Thời đại chúng ta bây giờ là thời đại vệ tinh nhân

tao, nghĩa là thời đại khoa học phát triển rất mạnh”⁽¹⁾. Người yêu cầu thanh niên, nhất là thanh niên trí thức, phải ra sức “vượt mọi khó khăn để chiến thắng, để hưởng thụ tất cả những khoa học, những hiểu biết của thời đại thế kỷ XX”⁽²⁾ để “thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật”⁽³⁾.

Với tầm nhìn sâu rộng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có kế thừa và phát triển những luận điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về KH&CN trong điều kiện cụ thể và phù hợp với nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xem KH&CN chính là lực lượng sản xuất trực tiếp của quá trình sản xuất. Trong bài phát biểu tại Hội nghị phổ biến khoa học kỹ thuật do Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam tổ chức lần đầu tiên (18/5/1963), Bác Hồ đã phân tích: “Chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém. Lẽ lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng

suất lao động còn thấp kém. Phong tục tập quán lạc hậu còn nhiều”⁽⁴⁾. Vì vậy, nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải tiến những cái đó. Khoa học là tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh giữa giai cấp bị bóc lột và giai cấp bóc lột và đấu tranh giữa con người với thiên nhiên. Bác nhấn mạnh: “Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân”⁽⁵⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khẳng định: “Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, khoa học là tài sản chung của toàn dân chứ không phải tài sản riêng của một nhóm người nào”⁽⁶⁾. Khoa học công nghệ phải hướng về con người, giải phóng con người, phát triển con người toàn diện. Tháng 5-1968, khi sửa Di chúc, Bác đã viết thêm: “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁽⁷⁾. Từ “con người” ở đây được Bác sử dụng như là nói về quần chúng, nhân dân. Những thành tựu của khoa học công nghệ phải được sử dụng vì sự

tiến bộ của xã hội, vì lợi ích và hạnh phúc của đông đảo quần chúng. Giáo Sư Vũ Đình Cự nhận định: “*Khi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh không đi về phương Đông như phong trào Đông kinh nghĩa thực, mà lại đi về phương Tây, vì ở đó có lời giải về sự yếu kém của phương Đông: thiếu khoa học và công nghệ hiện đại để tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn. Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ được hình thành trong một không gian mở, tiếp thu những cái mới tiến bộ không chỉ bằng lý trí uyên bác mà còn với nhiệt tình của lòng yêu nước nồng nàn*”⁽⁸⁾.

Dưới ánh sáng và tư tưởng của Người, ngay từ những năm đầu quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm hoàn thiện và đổi mới quan điểm, các chủ trương, chính sách trong lĩnh vực KH&CN. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đã nhấn mạnh: “*Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất*”. Đảng ta đã dành nhiều điều kiện cho phát triển KH&CN, đã ban hành các định hướng chiến lược, cơ chế và chính sách phát triển KH&CN, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (năm 1996) về định hướng chiến lược phát triển KH&CN trong thời kỳ

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa IX (năm 2002), Nghị quyết Đại hội XI của Đảng (năm 2011) và gần đây nhất là Nghị quyết số 20-NQ/TW được thông qua tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XI “*Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng khẳng định: “*Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ*”.

Ngày 18/6/2013, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật KH&CN 2013, trong đó quy định lấy ngày 18/5 hàng năm là Ngày KH&CN Việt Nam với ý nghĩa không chỉ tôn vinh các nhà khoa học và thành tựu KH-CN; tuyên truyền, phổ biến tri thức khoa học mà còn nâng cao nhận thức và khơi dậy niềm tự hào về trí tuệ Việt Nam, tinh thần đam mê lao động sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam.

Điều 62, Hiến pháp sửa đổi năm 2013 cũng đã tiếp tục khẳng định cùng với giáo dục và đào tạo, KH&CN là quốc sách hàng đầu, đã xác định vai trò quan trọng của KH&CN đối với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phát triển đất nước

nhANH và bền vững; đã đưa KH&CN từ “*giữ vai trò then chốt, là động lực thúc đẩy phát triển đất nước (Hiến pháp năm 1992)*”⁽⁹⁾ trở thành “*quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước*”⁽¹⁰⁾.

Thực tiễn 30 năm đổi mới cho thấy, nguồn nhân lực trực tiếp tham gia nghiên cứu khoa học đã có bước trưởng thành đáng kể, đã kế thừa và tiếp nối sự tinh túy của các nhà khoa học đầu đàn trưởng thành trong thời kỳ cách mạng, đã có bề dày truyền thống và thực tiễn, đã đạt được những thành tựu KH&CN trong các ngành, từ ghép đa tạng ở người đến sản xuất nhiều loại vacxin đạt tiêu chuẩn thế giới, từ ghép tế bào gốc điều trị những bệnh hiểm nghèo đến giải mã hệ gen 36 giống lúa bản địa, từ chế tạo thành công giàn khoan dầu khí tự nâng 90m nước... Những thành tựu to lớn ấy cho thấy, KH&CN đã đi vào mọi mặt của đời sống, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân và khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Báo cáo Chính trị Đại hội XII khẳng định: “*Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng,*

an ninh. Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới⁽¹¹⁾. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội XII đã nêu, trong thời gian tới chúng ta cần xây dựng định hướng nghiên cứu KH&CN phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng ngành, từng địa phương, với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng ngành và địa phương đó. Đảng, Nhà nước cần nhiều chính sách trọng dụng và tôn vinh đội ngũ khoa học, công

nghệ; khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động KH-CN tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

(1,2)-Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 9, Nxb CTQG, H.2000, tr.174, 471,

(3)-Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 2, Nxb CTQG, H.2000, tr. 374.

(4,5,6)-Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 11, Nxb CTQG, H.2000, tr 77,80.

(7)-Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, năm 2007 tr. 51.

(8)-GS. Vux : Học tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, công nghệ, báo Bưu điện Việt Nam số Xuân Canh Dần 2010.

(9)- Hiến pháp Việt Nam (Năm 1946, 1959, 1980, 1982, 1992, và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992, Nxb CTQG, năm 2002, tr134.

(10)-Khoản 1, Điều 62, Hiến pháp sửa đổi năm 2013, Nxb CTQG, năm 2014, tr 29.

(11)-Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr 119, 120.

DỪNG GẠCH...

(Tiếp theo trang 24)

nhẹ tối thiểu phải đạt 30% trong tổng số vật liệu xây.

Với tiêu chí sản xuất ra sản phẩm thân thiện với môi trường, nguồn nguyên liệu được tận dụng tối đa với chất lượng tốt và giá thành cạnh tranh, Công ty Cổ phần Chế tạo máy và sản xuất Vật liệu mới Trung Hậu đã nghiên cứu và chế tạo thành công sản phẩm gạch polymer khoáng tổng hợp với tên gọi “Gạch ống – xi măng cốt liệu” nhằm mục đích thay thế gạch đất sét nung truyền thống.

Đây là thế hệ vật liệu ra đời bằng cách tổng hợp những cơ chế polymer hóa vô cơ, polymer hữu cơ và quá trình khoáng hóa trong một hệ kín, tạo nên một hệ polymer – khoáng tổng hợp.

Nguyên liệu chính để tạo ra sản phẩm là cát, xi măng và phụ gia polymer. Các hợp chất này được định lượng theo dạng phối liệu và sử dụng phương pháp ép khuôn với áp lực ép lớn để tạo ra các viên gạch đồng nhất về kích thước, khối lượng và cường độ.

Theo ông Trần Trung Nghĩa, công nghệ sản xuất vật liệu mới này đã được công ty nghiên cứu và hoàn thiện, với hệ thống trang thiết bị được chế tạo hoàn toàn trong nước với độ tự động hóa hoàn chỉnh. Do đó, doanh nghiệp có thể đưa vào sử dụng ngay mà không mất quá nhiều thời gian.

Với nguồn nguyên liệu sẵn có ở hầu hết các địa phương (xi măng và cát), sản phẩm này có hình dáng, kích thước tương tự gạch đất sét nung truyền thống với các

tính chất cơ lý tương tự. Do đó, sẽ không làm thay đổi tập quán của đại đa số người dân.

Về giá thành, sản phẩm có giá tương đương gạch đất sét nung truyền thống nhưng hình dáng sắc sảo, đẹp hơn và đặc biệt là không gây ô nhiễm môi trường. Chi phí đầu tư cũng tương đối thấp, chỉ bằng 30 – 40% chi phí đầu tư so với các lò gạch thông thường.

Được biết, hiện công nghệ sản xuất gạch ống xi măng cốt liệu đã được Công ty Trung Hậu chuyển giao cho hơn 30 nhà máy, với năng suất hơn 200 triệu viên/năm. Sản phẩm cũng đang được lựa chọn để xét Giải thưởng sáng chế TP.HCM năm 2015 – 2016 do Sở KH&CN TP.HCM tổ chức.

Theo Khám Phá

Sớm xây dựng nhãn hiệu tập thể "Mộc Thái Yên"

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 726/UBND-CN1 ngày 13/02/2017 về việc một số nội dung liên quan đến phát triển cụm công nghiệp Thái Yên gắn với phát triển làng nghề truyền thống và du lịch. Ngày 23/3/2017, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức buổi làm việc với các bên liên quan nhằm thống nhất kế hoạch và phối hợp tổ chức triển khai một số nội dung về xây dựng nhãn hiệu tập thể "Mộc Thái Yên".

Tại buổi làm việc đ/c Đỗ Khoa Văn đã đặt vấn đề và nhấn mạnh tầm quan trọng của thương hiệu sản phẩm và các nội dung cần phải thực hiện cho nhãn hiệu tập thể mộc Thái Yên gắn với phát triển làng nghề truyền thống và du lịch. Yêu cầu cấp thiết hiện nay đặt ra cho Mộc Thái Yên là phải xác định được tên tuổi, nguồn gốc xuất xứ của nó gắn với ưu thế về truyền thống văn hóa, tay nghề ở đây và từ đó xác định được chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước, tăng cường lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy việc phát triển các sản phẩm mộc. Mặt khác, hạn chế được các sản phẩm mộc kém chất lượng giả lấy thương hiệu Thái Yên để bán tràn lan trên thị trường làm mất uy tín và gây mất niềm tin của người tiêu dùng...

Phát biểu tại buổi làm việc đồng chí Đặng Giang Trung - Phó Chủ tịch UBND huyện Đức Thọ cho biết làng nghề truyền thống mộc Thái Yên đã có truyền thống gần 700 năm, tuy nhiên đến nay chưa xây dựng được thương hiệu. Trong thời gian qua, Huyện ủy, UBND huyện rất quan tâm đến nội dung này và kiến nghị với UBND tỉnh, Sở KH&CN giúp đỡ xây dựng thương hiệu cho mộc Thái Yên.

Buổi làm việc đã thống nhất cao về mặt chủ trương đồng thời giao các nội dung cần thực hiện trước mắt cho các phòng chuyên môn và doanh nghiệp thực hiện, sớm xây dựng được Nhãn hiệu tập thể cho Mộc Thái Yên.

PC

Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Nhưng hươu Hương Sơn"

Thực hiện Nghị quyết số 141/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3262/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 về

việc phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020. Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ năm 2017. Ngày 24/3/2017, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức buổi làm việc với UBND huyện Hương Sơn bàn về việc xây dựng chỉ dẫn địa lý "Nhưng hươu Hương Sơn". Tham dự buổi làm việc có đồng chí Đỗ Khoa Văn - TUV, Giám đốc Sở KH&CN và lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Sở; đ/c Trần Bình Thân - Phó Chủ tịch UBND huyện và lãnh đạo các phòng Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND huyện; Công ty TNHH Quốc tế Trustlaw.



Giám đốc Sở KH&CN, các phòng liên quan làm việc với UBND huyện Hương Sơn; Ảnh: PC

Sản phẩm nhưng hươu Hương Sơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN) cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể năm 2009, từ đó đến nay đàn hươu trên địa bàn toàn huyện được quản lý, phát triển cả về quy mô và số lượng. Tuy nhiên, thời gian gần đây có phần chững lại, giá bán không ổn định... Một trong những nguyên nhân là do sản phẩm này chưa phát triển được thương hiệu và quảng bá một cách sâu rộng trên thị trường, chưa khẳng định được nguồn gốc đặc trưng của sản phẩm với những yếu tố đặc biệt về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, hệ thực vật, thức ăn, con giống, quy trình nuôi... Bên cạnh đó các sản phẩm kém chất lượng trên thị trường giả lấy thương hiệu nhưng hươu Hương Sơn làm mất uy tín và gây mất niềm tin đối với người tiêu dùng.

Yêu cầu cấp thiết hiện nay đặt ra cho sản phẩm

là phải xác định được tên tuổi, nguồn gốc xuất xứ của nó gắn với ưu thế về địa lý, khí hậu và tập quán chăn nuôi lâu đời của người dân chăn nuôi và từ đó xác định được chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước, tăng cường lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển sản phẩm quý hiếm có giá trị. Để thực hiện được những nội dung này cần phải xây dựng Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nhung hương Hương Sơn.

Tại cuộc họp Lãnh đạo Sở và huyện đã thống nhất cao quan điểm, các nội dung cần thực hiện đồng thời giao trách nhiệm cho các phòng chuyên môn của Sở và huyện khâu nối, triển khai thực hiện trong thời gian sớm nhất.

PC

Hội nghị triển khai xây dựng ISO hành chính năm 2017

Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của UBND tỉnh Hà Tĩnh năm 2017 và kế hoạch triển khai xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 trong cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước năm 2017 của Sở KH&CN. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Tĩnh vừa mới tổ chức Hội nghị triển khai xây dựng ISO hành chính năm 2017 cho 26 cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh.

Thành phần tham dự gồm có Đại diện Lãnh đạo các Sở: KH&CN, Nội vụ và trên 50 đại biểu, đại diện cho lãnh đạo, phụ trách bộ phận cải cách hành chính và chuyên viên trực tiếp thực hiện của 20 xã, phường và 06 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở đã đăng ký triển khai xây dựng ISO hành chính năm 2017.

Mục tiêu của Hội nghị: Nhằm thực hiện có hiệu quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 theo mô hình khung tại các cơ quan HCNN trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả điều hành hỗ trợ đắc lực cho công tác cải cách hành chính của tỉnh. Đảm bảo 100% CQHCCNN thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ yêu cầu.

Tại Hội nghị các đại biểu đã thảo, trao đổi những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, áp dụng và đã được cán bộ quản lý, các chuyên gia giải đáp, hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

QT

Nâng cao năng lực tiếp cận thị trường đối với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, phát triển các nghề truyền thống

Sau một năm triển khai thực hiện đề tài tài Nâng cao năng lực tiếp cận thị trường đối với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, phát triển các nghề truyền thống ở Hà Tĩnh, chủ nhiệm và nhóm cộng sự đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, nội dung theo thuyết minh được phê duyệt

Đã làm rõ cơ sở lý luận về năng lực tiếp cận thị trường đối với sản phẩm TCMN, phát triển các nghề truyền thống, phân tích năng lực tiếp cận thị trường đối với sản phẩm TCMN; Phân tích, đánh giá năng lực tiếp cận thị trường đối với sản phẩm TCMN ở tỉnh Hà Tĩnh. Nhận diện các nhân tố cơ bản tác động, xác định nguyên nhân, rào cản làm hạn chế năng lực tiếp cận thị trường của sản phẩm TCMN; Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển nghề truyền thống ở Hà Tĩnh; Đề xuất mục tiêu, quan điểm, phương hướng, giải pháp cơ bản và khuyến nghị các chính sách để nâng cao năng lực tiếp cận thị trường đối với sản phẩm TCMN và nghề truyền thống ở Hà Tĩnh...

Sở KH&CN Hà Tĩnh vừa tổ chức Hội đồng nghiệm thu đề tài, Hội đồng đánh giá cao kết quả đạt được của đề tài, hệ thống lý luận và thực tiễn của đề tài được xây dựng có cơ sở và ý nghĩa khoa học, kết quả đánh giá, phân tích đảm bảo trung thực, phù hợp với yêu cầu nghiên cứu. Sản phẩm của đề tài là cơ sở lý luận, thực tiễn để định hướng cho quá trình phát triển sản phẩm TCMN và nghề truyền thống, qua đó thể hiện khả năng tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh. Hội đồng đồng ý cho nghiệm thu với điều kiện, chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

Kết quả đánh giá: đề tài đạt loại xuất sắc.

PC

"Ứng dụng tiến bộ KHCCN xây dựng mô hình nuôi thương phẩm một số loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao bằng công nghệ lồng nhựa HDPE chi phí thấp trên hồ chứa tại Hà Tĩnh"

Ngày 20/02/2017, Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh tổ chức xét duyệt thuyết minh dự án "Ứng dụng tiến bộ KHCCN xây dựng mô hình nuôi thương phẩm một số loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao bằng công nghệ lồng nhựa HDPE chi phí thấp trên hồ chứa tại Hà Tĩnh" do ông Hoàng

Văn Hợi - chủ nhiệm dự án. Cơ quan chủ trì Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ và công nghệ nuôi trồng Thủy sản.

Với mục tiêu và nội dung của đề tài là:

Xây dựng thành công mô hình nuôi một số loài cá đặc sản có hiệu quả kinh tế cao bằng công nghệ lồng nhựa HDPE chi phí thấp nhằm phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ, đập và khai thác có hiệu quả tiềm năng sẵn có của địa phương, góp phần tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống cho người dân vùng lồng hồ.

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm một số loài cá đặc sản (cá Trắm đen, cá Leo, cá Trắm giòn, cá Chép giòn) bằng lồng nhựa HDPE chi phí thấp trên hồ, đập lớn với quy mô 1.000m³ (10 ô lồng, mỗi ô lồng 100m³), năng suất đạt 20kg/m³.

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm các loại cá vừa nêu trên bằng lồng trên hồ, đập lớn tại Hà Tĩnh. Đào tạo, tập huấn cho 5 cán bộ kỹ thuật và 2 người dân nắm vững và làm chủ quy trình nuôi thương phẩm cá Trắm, cá Leo, cá Trắm giòn và cá Chép giòn trong lồng trên hồ, đập.

Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh đánh giá đây là dự án rất cần thiết triển khai trong giai đoạn hiện nay, và được hội đồng nhất trí thông qua. Hội đồng đề nghị chủ nhiệm dự án cần tính toán lại các hạng mục đầu tư để tính toán hiệu quả kinh tế một cách chính xác nhất. Trong quá trình triển khai cần chú ý đến môi trường lồng hồ và môi trường xung quanh. Hội đồng đồng ý cho chuyển đổi đối tượng nuôi là cá Leo sang nuôi cá rô phi. Đề nghị Sở KH&CN hoàn thiện các thủ tục cần thiết để dự án sớm được triển khai/.

PT

"Nghiên cứu xây dựng từ điển thuật ngữ một số chuyên ngành Việt- Lào"

Sở KH&CN Vừa tổ chức Hội đồng khoa học nghiệm thu đề tài: "Nghiên cứu xây dựng từ điển thuật ngữ một số chuyên ngành Việt- Lào" do GS-TS Nguyễn Văn Đính - chủ nhiệm đề tài, Trường Đại học Hà Tĩnh - cơ quan chủ trì thực hiện. PGS-TS Đặng Minh Ất - chủ tịch Hội đồng.

Sau hơn một năm triển khai thực hiện đề tài được Hội đồng KH&CN nghiệm thu chuyên ngành đánh giá cao về kết quả và khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

- Đã biên soạn được một cuốn từ điển giải thích thuật ngữ chuyên ngành Việt - Lào với số lượng 1.600 thuật ngữ với 16 chuyên ngành: Kinh tế,

Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Du lịch - lữ hành, Luật, Giáo dục - Chính trị, Khoa học Môi trường, Công nghệ thông tin, Xây dựng, Triết học, Toán học, Điện - điện tử, Cơ khí và Y học.

- Ứng dụng Công nghệ thông tin số hóa Từ điển giải thích thuật ngữ chuyên ngành Việt - Lào.

Cuốn từ điển giải thích thuật ngữ chuyên ngành Việt - Lào lần đầu tiên được biên soạn phục vụ cho việc học tập và giảng dạy tiếng Lào thuộc các chuyên ngành đào tạo tại trường Đại học Hà Tĩnh và một số trường Đại học và cao đẳng khác trong cả nước có lưu học sinh Lào học tập. Không những vậy cuốn từ điển này còn làm tăng thêm sự hiểu biết hợp tác về ngôn ngữ, văn hóa, về kinh tế giữa 2 nước Việt Nam- Lào.

Hội đồng KH&CN chuyên ngành cấp tỉnh đề nghị Chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì chỉnh sửa báo cáo theo ý kiến góp ý của các thành viên tham gia Hội đồng và lấy ý kiến của một số chuyên gia tiếng Lào để báo cáo hoàn thiện hơn trước khi giao nộp sản phẩm.

Đề tài được đánh giá xếp loại: Đạt.

PT.

Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và phần mềm đánh giá mức độ triển khai chính quyền điện tử các cấp tỉnh Hà Tĩnh



Chủ nhiệm đề tài báo cáo thuyết minh; Ảnh: HP

Hiện nay, "Chính phủ điện tử" đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Khung Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 1.0, các địa phương đã xây dựng, ban hành Khung kiến trúc chính quyền điện tử. Nhưng ở nước ta lại chưa có bộ tiêu chí và phương pháp trực tiếp đánh giá mức độ đạt được về Chính

phủ điện tử của các Bộ ngành và địa phương trong cả nước. Ở Hà Tĩnh, đã tổ chức đánh giá, xếp hạng về mức độ ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước của các sở, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa phản ánh rõ mức độ đạt được về Chính phủ điện tử, mới chỉ dừng lại ở mức so sánh tương quan kết quả ứng dụng CNTT giữa các cơ quan, địa phương.

Trước thực trạng đó, Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng đề tài “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và phân mềm đánh giá mức độ triển khai chính quyền điện tử (CQĐT) các cấp tỉnh Hà Tĩnh”, do Ths Lê Văn Dũng làm chủ nhiệm. Ngày 30/3, Hội đồng KH&CN chuyên ngành tỉnh do bà Phan Thị Tố Hoa – Phó ĐĐ Sở Nội vụ làm chủ tịch Hội đồng đã tổ chức họp xét duyệt thuyết minh.

Mục tiêu của đề tài: Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí và phương pháp cho phép đánh giá cụ thể mức độ CQĐT của các cơ quan, các ngành và các cấp trên địa bàn tỉnh theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, thay vì chỉ đánh giá mức độ ứng dụng CNTT theo bộ chỉ số ICT Index như hiện nay; cho phép các lãnh đạo cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp nhận biết rõ thực trạng, kết quả xây dựng CQĐT của cơ quan, đơn vị mình, đồng thời so sánh các cơ quan, đơn vị khác. Đặc biệt là so sánh với quy định về Kiến trúc CPĐT của quốc gia và của tỉnh; hình thành hệ thống thông tin trực tuyến về công tác đánh giá mức độ CQĐT của tỉnh, phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ chỉ đạo điều hành trong công tác xây dựng CQĐT.

Tại buổi xét duyệt, các thành viên Hội đồng đã có nhận xét, bổ sung để hoàn thiện thuyết minh và bỏ phiếu đồng ý cho triển khai thực hiện đề tài.

QT

Ứng dụng tiến bộ KHKT xây dựng mô hình sản xuất thanh long ruột đỏ theo hướng VietGAP

Huyện Thạch Hà có diện tích vùng đồi núi chiếm khoảng 25% diện tích toàn huyện. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng đồi núi, phát triển mô hình trọng điểm trong nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới là hết sức cần thiết, vì vậy Hợp tác xã Hưng Thịnh - xã Ngọc Sơn - huyện Thạch Hà đề xuất thực hiện dự án Ứng dụng tiến bộ KHKT xây dựng mô hình sản xuất thanh long ruột đỏ theo hướng VietGAP tại huyện Thạch Hà.

Mục tiêu của dự án: Xây dựng mô hình trồng 03 ha thanh long ruột đỏ theo hướng VietGAP tại

xã Ngọc Sơn - Huyện Thạch Hà. Hoàn thiện quy trình sản xuất thanh long ruột đỏ theo hướng Viet-GAP. Tổ chức đào tạo tập huấn về quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, bảo quản thanh long cho bà con nông dân trong vùng.

Dự án vừa được Hội đồng KH&CN cấp tỉnh tổ chức họp xét duyệt, đồng thời đánh giá cao tính cần thiết và khả thi, dự án sẽ góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. Hội đồng đồng ý cho triển khai dự án

PC

Hội thảo nâng cao năng lực sản xuất Nấm tại Hà Tĩnh

Nằm trong khuôn khổ dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ nâng cao năng lực sản xuất giống nấm tại Trung tâm phát triển nấm ăn và nấm dược liệu Hà Tĩnh (Trung tâm nấm)”. Sáng ngày 14/3, Trung tâm nấm đã tổ chức Hội thảo trao đổi kinh nghiệm nâng cao năng lực sản xuất Nấm và phổ biến một số chính sách hỗ trợ sản xuất nấm của tỉnh giai đoạn 2017-2018. Đại biểu tham dự, bao gồm: các hộ gia đình và các cơ sở đã, đang sản xuất nấm trong tỉnh và một số đơn vị của Nghệ An.

Tại buổi Hội thảo, các đại biểu đã được nghe cán bộ Trung tâm nấm sơ lược về những thuận lợi, khó khăn trong nghề sản xuất nấm; một số kinh nghiệm trong quá trình chăm sóc cũng như thu hoạch, bảo quản và một số cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nghề trồng nấm tại Hà Tĩnh. Các đại biểu tham dự đã trao đổi sôi nổi, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm quý báu đúc rút được trong quá trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế nghề trồng nấm. Đặc biệt, có đại biểu đến từ Nghệ An đã mạnh dạn hiến kế đưa ra các phương thức tuyên truyền phương cách tiêu thụ, thành lập hiệp hội nấm, giới thiệu địa chỉ mua sắm thiết bị... nhằm giảm giá thành đầu vào, nâng cao thu nhập và đã được Hội thảo ghi nhận đánh giá cao.

Đây là hội thảo được các đại biểu đánh giá cao về phương thức tổ chức hoạt động của đơn vị đầu mối. Và mong rằng trong thời gian tới, người sản xuất nấm sẽ tiếp tục được quan tâm hơn nữa về các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của tỉnh. Đặc biệt Trung tâm Nấm là đơn vị trực tiếp cầm tay chỉ việc, nhằm cho nghề sản xuất nấm tỉnh nhà ngày càng phát triển bền vững.

QT

TRANG THƠ

Bùi Xuân Tuấn (*)

Một thoáng Hà Tĩnh

Đưa em về với Tiên Điền
Nghì Xuân Hà Tĩnh đỏ miền địa linh
Dâng hương nhớ bậc anh minh
Danh nhân văn hoá tôn vinh muôn đời

Nghe "Về Hà Tĩnh người ơi"
Hát gieo từng chữ nhả lời thương yêu
Ngàn câu lục bát truyện Kiều
Đi vào bài hát để nhiều người say

Hải Phòng Hà Tĩnh hôm nay
Gặp nhau vội vã chia tay nhớ hoài.

* Phó GD Sở KH&CN Hải Phòng

Nguyễn Viết Dương

Ví dặm

Bồng bênh một chiếc thuyền nan
Say câu ví dặm chứa chan vọng về
Dập dềnh sông nước tình quê
Thương người phùng vải lời thề năm xưa
Xa quay sợi néo đu đưa
Tương phùng đan díu tóc vừa xoa vai
Câu nguyện luôn giữ trong ai
Kết duyên chồng vợ Thiên Thai một làng
Sông Lam một dải mịn màng
Bờ đê vật cỏ ngõ ngang băng khuâng
Sánh vai nam nữ ái ân
Miếng trâu còn thắm nghĩa nhân trăm miền.

Quỳnh Như

Quê mình

Đi từ Bến Thủy đến Đèo Ngang
Sóng vỗ ngày đêm ru cát vàng
Đồng lúa dập dờn cò mỗi cánh
Công trường nhộn nhịp máy rền vang
Ngàn Trươi điện sáng vui đồi núi
Vũng Áng tàu đi rộn xóm làng
Về bến Tam Soa lên Hồng Lĩnh
Nghe chuông chùa thỉnh nhịp đời sang!

Duy Hoàn

Lính đảo gửi tháng ba

Trường Sa mùa này hoa phong ba bung nở
Muống biển tím trời, bàng vương cũng đơm
bông

Ngày 8/3 lính đảo cứ xao lòng
Nhắn gửi câu thơ, dòng tin về tặng mẹ

Có người lính bồi hồi, lặng lẽ
Xếp con thuyền và cài rất khéo những bông hoa
Anh nâng niu hôn thơm thảo món quà
Gửi con sóng vỗ về đất liền tặng người yêu dấu
Giản dị mà thương những tấm lòng hồn hậu
Con ốc biển, cánh san hô mà người lính cứ tha
thiết muốn gửi về tặng vợ và con

Tháng ba... nắng gió biển trời dường như xanh
hơn

Biển khơi khát bình yên như nỗi lòng của mẹ
Cánh hải âu đan trắng chiều phía bể
Chiu chút lưng trời vui ấm dải biên cương

Bông hoa biển khiêm nhường lính đảo gửi
miền thương...